

GIÁ TRỊ CHÂN LÝ, LUÂN LÝ CÔNG GIÁO VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG VIỆC ỔN ĐỊNH CỘNG ĐỒNG¹

***Tóm tắt:** Bằng phương pháp tiếp cận nghiên cứu xuất phát từ chính thực thể Công giáo, đặc biệt nhìn ở góc độ niềm tin của người tín đồ với đối tượng thiêng mà họ tôn thờ, phần một và hai của bài viết hướng tới việc xác định những thành tố cơ bản của giá trị chân lý và luân lý Công giáo. Những giá trị đó không phải chỉ tồn tại trong ý niệm hay thuần túy mang tính trừu tượng, siêu nghiệm mà ngược lại, rất gần gũi với con người. Trên thực tế nó có hiệu ứng rõ rệt đối với hành vi cá nhân hay hoạt động của các nhóm Công giáo. Phần tiếp theo bài viết, được đặt trong khung cảnh Việt Nam, sẽ lý giải sự gắn kết những thành tố của hai giá trị trên tới ý thức và hành vi của tín đồ tôn giáo này trong việc tạo ra những cộng đồng cư dân có tính ổn định về mặt đạo đức, an ninh xã hội. Phần này được minh họa bằng một vài số liệu từ kết quả điều tra xã hội học về giá trị tôn giáo do Viện Nghiên cứu Tôn giáo thực hiện năm 2014.*

***Từ khóa:** Giá trị, chân lý, luân lý, Công giáo.*

Dẫn nhập

Những giá trị nào ảnh hưởng tới thái độ và lối ứng xử của người Công giáo? Đó là câu hỏi mà không chỉ người nghiên cứu mà có lẽ các nhà quản lý cũng muốn quan tâm giải quyết. Bởi trong một xã hội đa dạng niềm tin, có hiểu được nguồn gốc các hành vi cá nhân hay hoạt động của các nhóm thì mới mong giải quyết được hài hòa mối quan hệ giữa thiết chế tôn giáo và các thiết chế xã hội khác, tránh những xung đột giá trị không cần thiết. Mặt khác, trong một xã hội nhiều biến chuyển, với những đổi thay theo cả hướng tích cực lẫn tiêu cực, đã đến lúc phải tìm hiểu xem tôn giáo có những giá trị nền tảng nào có thể đưa vào áp dụng

* ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết được phát triển từ chuyên đề trong đề tài cấp Bộ (2015-2016): *Giá trị và chức năng của Công giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay.*

trong việc giáo dục đạo đức, lối sống con người. Dường như trong hành động ứng xử thường nhật của con người từ xưa đến nay, ít nhiều được tham chiếu bởi các quy tắc liên quan đến tôn giáo mà đôi khi họ không để ý, như một tác giả đã viết: “Trong nhiều nền văn hóa, hành vi con người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi những gì họ nghĩ về sự tồn tại và quyền hạn của tổ tiên, thần thánh hay tâm linh. Rõ ràng ở đây phải có một mối tương quan giữa đời sống xã hội và sự tồn tại các khái niệm tôn giáo”¹.

Giá trị ở đây được hiểu là gì? Nó chính là cái *định hướng* và *quyết định* những hành động của con người trong tương quan với những người khác². Những hành động đó ngoài đặc tính cá nhân riêng lẻ còn được chi phối bởi những quy ước tập thể. Các giá trị “*tạo ra một cấu trúc xã hội mà trong khuôn khổ đó các phán xét được hình thành*”³. Với tôn giáo nói chung và Công giáo nói riêng, cái định hướng để đưa ra quyết định hành vi cá nhân hay hành động tập thể được bắt nguồn từ hai hệ giá trị cơ bản là giá trị chân lý và luân lý.

S. Huntington cho rằng: Công giáo góp phần làm nên những giá trị Châu Âu. Một trong những giá trị quan trọng là Công giáo đã phát triển một ý thức cộng đồng mạnh mẽ dựa trên những khác biệt với các nhóm phi Công giáo khác nhau⁴.

Uichol Kim, nhà nghiên cứu Hàn Quốc, nhận xét về chân lý Công giáo thời Trung cổ tại Châu Âu rằng, khi đó: “Chúa đại diện cho sự thật, là trung tâm, là người tạo ra vũ trụ. Chúa thể hiện chân, thiện, mỹ... Để biết được sự thật, phải biết cái tâm của Chúa và sự thật thể hiện qua Chúa, cha xứ hay Kinh thánh”⁵.

Từ cuối thế kỷ trước, khái niệm *sự thật* hay *chân lý* tôn giáo cũng đã được đưa vào trong bảng hỏi của một số điều tra xã hội học tại Châu Âu. Chẳng hạn, một cuộc điều tra xã hội học tại Pháp, năm 1998 đã đặt ra với những người trả lời về tình huống rằng họ “chỉ tìm thấy chân lý trong tôn giáo của mình” hay “tìm thấy rất ít chân lý trong các tôn giáo khác” hoặc “có nhiều chân lý cơ bản ở các tôn giáo”. Và phương án trả lời cho thấy nhiều người cho rằng “họ thấy nhiều chân lý ở các tôn giáo”⁶. Tuy câu trả lời này được đặt trong bối cảnh nước Pháp thế tục nhưng chỉ báo này cũng đưa ra thông điệp, mỗi tôn giáo đều sở hữu những sự thật theo cách riêng biệt của mình. Cũng có nghĩa là các cuộc tranh luận về chân lý đều có thể dẫn đến bất đồng giá trị bởi những người trong cuộc tranh luận đó đều tin rằng sự thật mình nắm giữ mới là tối hậu.

Cuộc điều tra quy mô năm 1999 ở Pháp về những giá trị Pháp đặt trong tương quan với cuộc điều tra năm 1981 cho thấy mặc dù là một nước theo thể chế thể tục trung tính ở Châu Âu, nhưng tỷ lệ thực hành tôn giáo hay tham gia các hoạt động của tổ chức tôn giáo rất thấp. Chẳng hạn, năm 1981 chỉ có 3,9% người Pháp được hỏi tham gia các hoạt động của tổ chức tôn giáo hay của giáo xứ. Tỷ lệ này ở năm 1999 là 4,2%. Tỷ lệ người được hỏi trả lời rằng họ thực hành tôn giáo một tháng/lần ở thời điểm năm 1981 là 18% và năm 1999 là 12%. Riêng đối với người trẻ từ 18-29 tuổi tỷ lệ thực hành tôn giáo còn thấp hơn là 11% năm 1981 và 5% năm 1999. Tuy nhiên, với câu hỏi “bạn có tin vào Chúa không”? Kết quả vẫn cho thấy: 62% những người được hỏi tin vào Chúa (năm 1981) và 56 % những người được hỏi năm 1999 tin vào Chúa. Tỷ lệ những người tin vào Chúa thấp hơn ở những người trẻ từ 18-29 tuổi, với kết quả là 46% người trẻ tin vào Chúa ở năm 1981 và 48% năm 1999⁷. Con số này cho thấy giữa việc tin vào Chân lý (Thiên Chúa) với việc diễn tả niềm tin rõ ràng có sự chênh lệch. Đó cũng chính là việc chuyển đổi các giá trị tôn giáo trong bối cảnh thể tục hóa ở Châu Âu. Tôn giáo dường như là việc gắn với cá nhân, người ta có thể tin vào một Thiên Chúa hay chân lý của một tôn giáo nhưng không nhất thiết gắn với các thể chế hay những nghi thức thực hành tôn giáo đó một cách thường xuyên, liên tục.

Một cuộc khảo sát khác về giá trị gần đây hơn tại Châu Âu năm 2008, Pierre Bréchon cũng cho rằng tôn giáo có những giá trị liên quan đến đạo đức và truyền thống: Khi người ta càng chú tâm vào niềm tin và thực hành tôn giáo thì người ta càng nắm giữ các giá trị gia đình truyền thống và loại bỏ chủ nghĩa tự do đạo đức. Đồng thời trong khi nhiều quốc gia đang trải qua một quá trình thể tục hóa thì tôn giáo có vai trò quan trọng trong việc liên kết đến các truyền thống lịch sử đất nước⁸.

Khảo sát về giá trị tôn giáo do Viện Nghiên cứu Tôn giáo thực hiện năm 2014 cho thấy: 97,3% những người Công giáo được hỏi cho rằng tôn giáo có giá trị hướng thiện. Yêu thương con người và hiếu thảo, kính trọng với người trên là những giá trị chiếm tỷ lệ người chọn lựa lần lượt ở vị trí thứ hai (95,1%) và thứ ba (94,6%). Tiếp đến là các giá trị như làm điều lành tránh điều ác (94,1%); khoan dung (93,5%); có ý thức trách nhiệm với cộng đồng (93,0%). Giá trị có ý thức bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ ít nhất (85,4%)⁹.

Liên quan đến luân lý Công giáo, hiển hiện rõ một thực trạng mà chưa có những nghiên cứu giải thích một cách hệ thống là: những khu vực giáo dân có một đời sống tôn giáo nhiệt thành thì ở đó dường như trật tự xã hội cũng ổn định. Phải chăng Công giáo đã tạo ra những giá trị mang tính đối trọng với các giá trị thế tục khác? Ở đây đối trọng không phải là việc xung đột giá trị mà được hiểu trong bối cảnh có nhiều giá trị khác lên ngôi, dù công khai hay ẩn ý, các giá trị chân lý hay luân lý Công giáo vẫn tìm được một vị trí trong cộng đồng tôn giáo của họ, bởi nó mang tính biểu tượng hay mẫu hình của niềm tin tôn giáo, cho dù trên thực tế Giáo hội cũng đang gặp thách đố không nhỏ với sự xa rời các nguyên tắc tôn giáo của không ít giới trẻ.

Có lẽ các cộng đồng Công giáo ổn định còn là vì thiết chế của nó được duy trì bởi các *quy định luân lý tập thể*, tức có tính thống nhất và đồng thuận cao. Ví dụ, các việc liên quan đến đạo đức bình dân, như: sùng kính Đức Mẹ hay lễ kính các Thánh Quan Thầy, thật khó tìm thấy các tiếng nói khác biệt với các quy ước tập thể đã định hình từ truyền thống Công giáo và đã được Giáo hội phê chuẩn. Tương tự, các hành vi cá nhân phạm vào luân lý hay tín điều đều bị kết án bởi các quy tắc luân lý mang tính cộng đồng. Điều này ít nhiều có tác dụng ngăn ngừa các hành vi lệch chuẩn hoặc chí ít cũng làm các cá nhân phải suy nghĩ đến các quy định từ niềm tin tôn giáo mà họ tin theo trước khi hành động một điều gì đó.

Một điểm khác nữa là chính bản thân giá trị chân lý đã định hình ra những cộng đồng có *lòng tin tập thể*, tức lòng tin có thể tồn tại giữa những người lạ không quen biết. Nhiều người tin nhau đơn giản chỉ nhân danh họ là những người Kitô hữu, và chỉ thế là đủ để kết giao bạn thân hữu hay trở thành “tín chấp” với nhau trong làm ăn kinh tế. Điều này cũng lý giải tại sao có những khu vực có nhiều nguồn gốc cư dân nhưng chung một niềm tin tôn giáo vẫn có thể ổn định hơn những cộng đồng cư dân tương tự nhưng lại không sở hữu chung một giá trị chân lý tôn giáo cũng như chung các quy tắc thực hành chung về mặt luân lý đạo đức.

Cũng có ý kiến cho rằng, cái thiêng trong tôn giáo hay chân lý tôn giáo chính là nguồn để bảo đảm cho luân lý được gìn giữ và thực thi, khiến con người có những hành xử tốt với nhau: “Mỗi xã hội không thể vận hành mà không có các giới luật luân lý bởi vì chúng gắn kết những con người và chống lại tội phạm trộm cắp lừa dối, v.v... Sự răn đe tức thì của hình phạt cũng không đủ để thực thi một luật luân lý vì mọi người

đều biết chúng ta có thể tránh nó. Nhưng sự kính sợ Thiên Chúa khuyến khích điều tốt vì nó giả định một giám sát liên tục và hình phạt đời đời. Trong hầu hết các xã hội, những điều siêu nhiên (như: thần linh, tổ tiên, v.v.) là để nhằm đảm bảo rằng mọi người tự hành xử tốt với nhau”¹⁰.

1. Giá trị chân lý Công giáo

Muốn hiểu giá trị chân lý Công giáo, trước tiên chúng ta hãy tìm hiểu khái niệm chân lý là gì?

Về mặt ngôn ngữ tiếng Việt, “chân lý” hay “sự thật” dùng để chuyển dịch thuật ngữ Phương Tây là “vérité” tiếng Pháp hay “truth” trong tiếng Anh. Theo nghĩa Hán Việt, chân lý là lý lẽ chân thật của một sự vật, hiện tượng nào đó¹¹. Sở hữu chân lý tức là nắm giữ sự thật.

Theo quan điểm của Giáo hội Công giáo Việt Nam, chân lý được phân biệt ra các loại sau:

Chân lý bản thể: Nằm trong bản chất của sự vật hiện tượng. Đây là chân lý vốn có khách quan. Người ta phải nhìn nhận nó, không tùy thuộc vào sở thích hay ý muốn cá nhân.

Chân lý luận lý: Thuộc về nhận thức của trí tuệ. Nói đến nhận thức của con người đúng như thực tại khách quan. Thánh Thomas de Aquino đã định nghĩa về trường hợp này qua một luận điểm nói tiếng là: *Chân lý là sự tương hợp giữa sự vật và trí khôn*.

Chân lý luân lý: Mang tính cách thực tiễn của đời sống xã hội đó là hành động thật, sống thật. Ở khía cạnh này, chân lý còn là một nhân đức, cốt tại con người tỏ mình ra thành thật trong các hành vi và lời nói; tránh xa lối sống hai mặt, dối trá, đạo đức giả¹².

Như vậy, chân lý không chỉ là đối tượng của nhận thức, hướng tới nhận biết sự thật, nó còn là *đối tượng của hành động sống như nói thật, sống thật...*

Xét theo khía cạnh luận lý, tức chân lý thuộc về nhận thức của trí tuệ, có thể phân định các con đường nắm bắt hay truy tìm giá trị chân lý:

(1) Từ những dữ kiện giản đơn xảy ra hằng ngày người ta có thể nắm bắt các chân lý, quá trình này con người tìm ra các *giá trị chân lý thường thức*.

(2) Từ các thí nghiệm, thực nghiệm được chứng minh để đưa ra các công thức hằng số, quy luật... từ đó con người tìm ra các *giá trị chân lý khoa học thực nghiệm*.

(3) Từ các lập luận được lý giải, phân tích biện luận chặt chẽ, phán đoán logic người ta đưa ra các *giá trị chân lý siêu hình*, như: logic, triết học...

(4) Dựa vào niềm tin vào cái thiêng, và căn cứ vào các truyền thống diễn tả niềm tin của con người vào một cái thiêng nào đó, mà niềm tin hay truyền thống đó vượt qua các khảo cứu thực nghiệm, người ta tìm đến một giá trị chân lý có tính cách *khách quan, siêu nghiệm, tuyệt đối*, đó là *giá trị chân lý tôn giáo*.

Có một thực tế là Công giáo cũng như bất cứ tôn giáo nào đều có nhu cầu *bảo vệ và truyền bá về chân lý* của tôn giáo mình. Bởi lẽ tôn giáo mà không bảo lưu chân lý sẽ rơi vào trạng thái lạc giáo và tạo ra nhiều rạn nứt hoặc chỉ là một học thuyết, do đó chân lý luôn là một thành tố quan trọng của mọi tôn giáo, nó như một hằng số, một giá trị được bảo lưu bền vững trong các khung cảnh và không gian văn hóa khác nhau.

Để tìm hiểu giá trị chân lý Công giáo, thiết nghĩ cần thử tìm xem trong Kinh Thánh và truyền thống giáo huấn của Giáo hội Công giáo mấy nghìn năm qua đã khẳng định các lĩnh vực nào là *sự thật bất biến* được cộng đồng tín đồ thừa nhận và tin tưởng, mà như trên đã phân tích *sự thật bất biến đó có tính khách quan, siêu nghiệm, tuyệt đối được bảo vệ và gìn giữ trong các dân tộc và các truyền thống văn hóa khác nhau*.

Toàn bộ Kinh Thánh, sách giáo lý, thần học... của Công giáo cho thấy có *một quyền thiêng* tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào lịch sử cộng đồng những người có sở hữu chung một niềm tin. Một đặc điểm cơ bản của việc tác động này *thoát ra khỏi ý trí chủ quan của con người*. Tuy nhiên, nghiên cứu kỹ sự tác động đó lại không hoàn toàn xa cách với đời sống con người mà đôi khi lại rất nhân văn gần gũi và trực tiếp với bản tính của con người như yêu thương, giận dữ, dối hờn... Nên quyền uy đó tác động tuy khách quan nhưng không xa rời bản chất người. Đại đa số người Công giáo ở mọi quốc gia trên thế giới qua truyền thống của mình, tin rằng sự tác động của quyền uy đó là sự thật, nên đối với họ không đặt vấn đề kiểm chứng niềm tin vào sự thật ấy qua thực nghiệm. Bởi lẽ đặt vấn đề xác minh như vậy đôi khi gây xung đột các quan điểm về niềm tin, rất khó đối thoại vì đã đụng chạm hay phản đề vào quyền uy thiêng tối thượng của một tôn giáo.

Như vậy, sự thừa nhận về sự thật đó (quyền uy thiêng) chính là một phương diện mà Giáo hội Công giáo cũng như giáo dân khẳng định về giá trị chân lý tôn giáo của mình.

Kinh Thánh, sách giáo lý, thần học... của Giáo hội Công giáo từ hàng ngàn năm qua cho đến nay, đặc biệt qua các sách trong Kinh Thánh cũng truyền dạy về một sự thật là: *Có một thực tại là khởi nguyên duy nhất của mọi sự và vạn vật*, khởi nguyên trước tiên đó không chỉ là nguồn gốc của quá trình tạo dựng vật chất trong vũ trụ mà còn là khởi nguyên của các trạng thái luân lý, tinh thần con người như cái ác, sự dữ, thánh thiện, lương tâm... Sự truyền dạy này của Giáo hội Công giáo đã được bảo vệ và lưu giữ cho đến hôm nay. Trên thực tế đã có những xung đột với các tuyên bố chân lý của các thuyết khác, như: thuyết tương đối, thuyết tiến hóa, thuyết hoài nghi... Dù vậy, xét theo lĩnh vực niềm tin tôn giáo, thực tại khởi nguyên đó có tính chất tuyệt đối mà trí năng của con người không thể đạt tới sự tuyệt đối đó. Con người chỉ khám phá chân lý tuyệt đối chứ không tạo ra hay vượt trên chân lý tuyệt đối¹³, biểu hiện rõ nhất là phải tôn trọng mọi trật tự của Thượng đế.

Kinh Thánh, sách giáo lý, thần học... Công giáo hàng ngàn năm qua cũng cho thấy cách thức tác động của một chân lý khách quan tuyệt đối tới lịch sử có tính cách siêu nghiệm, vượt qua sự hiểu biết thông thường của con người. Điều này được các sách trong Kinh Thánh mô tả rất rõ về trải nghiệm tôn giáo khác nhau của các cộng đồng người xuyên các qua các chặng đường thời gian khác nhau nhưng đều có chung một trải nghiệm tôn giáo mà như Otto nhận xét đó là một *thực tại huyền nhiệm gây tác động sợ hãi nhưng lôi cuốn*¹⁴.

Cuối cùng, giá trị chân lý khởi nguyên của mọi sự mang tính tuyệt đối quyền năng siêu nghiệm đó mà được toàn thể Giáo hội Công giáo thừa nhận cũng cần một cái tên, một ngôn ngữ để loài người diễn tả, chia sẻ với nhau về chân lý đó. Tùy theo đặc điểm từng cộng đồng dân tộc, người ta dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau để diễn đạt về một chân lý tối hậu có những đặc tính nêu trên, như: Yahew, Elohim, Kito¹⁵, Deu... Riêng với người Việt thì gọi *chân lý đó là Thiên Chúa*.

Như vậy qua hàng ngàn năm, lập trường của Giáo hội Công giáo thừa nhận *có một giá trị chân lý khách thể tuyệt đối chi phối và tác động tới các hoạt động của con người, đó chính là Thiên Chúa*.

Làm sao con người có thể nhận biết về Thiên Chúa - chân lý tuyệt đối? Có thể thấy nhu cầu hiểu biết là một hoạt động cơ bản của con người, nên việc khám phá các chân lý siêu nghiệm cũng không nằm ngoài kế hoạch của tư duy. Nhờ sự suy tư tìm tòi của lý trí, nhờ nghiên

cứu, hay những kinh nghiệm của cộng đồng, cho đến những trao đổi với những người khác... con người có thể khám phá nhận biết ra những giá trị chân lý tôn giáo¹⁶.

Đồng thời, truyền thống của Giáo hội Công giáo cũng cho thấy ngoài những chân lý mà con người có khả năng *khám phá nhờ lý trí* thì con người còn biết được chân lý về Thiên Chúa qua *sự mạc khải* (Révélation - Thiên Chúa khai mở cho con người biết những điều ẩn giấu để họ hiểu được ý của Ngài). Sự mạc khải mà nhân loại thấy rõ nhất là Kinh Thánh, nên nếu nói giá trị chân lý Công giáo là Thiên Chúa thì biểu hiện cụ thể nhất của giá trị ấy chính là Lời Chúa hay Kinh Thánh. Nhờ Thiên Chúa mạc khải (đặc biệt qua Kinh Thánh) mà con người nhận ra Thiên Chúa. Vậy vấn đề đặt ra là các *chân lý của mạc khải* và các *chân lý của lý trí* liệu có mâu thuẫn loại trừ nhau? Người ta giải quyết vấn đề này thế nào trong khi thực tế xã hội có nhiều chân lý ngoài tôn giáo được tuyên xưng? Quan điểm của Giáo hội cho rằng, hai chân lý này không có mâu thuẫn gì cả, vì *trí khôn của con người* hay *mạc khải* đều xuất phát từ Thiên Chúa và quy hướng về Thiên Chúa. Còn nếu có mâu thuẫn xung khắc chẳng qua là hiểu biết hạn chế của con người tức những giới hạn của lý trí, chẳng hạn nhầm lẫn về cách tiếp cận. Ví như không thể làm thực nghiệm trong các nghiên cứu về linh hồn hay chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa; hay nghiên cứu thần học Công giáo lại giải thích Kinh Thánh theo cách tiếp cận của khoa học thực nghiệm.... Cuối cùng, Giáo hội đi đến kết luận rằng, chân lý con người nhận được từ Thiên Chúa qua mạc khải được hiểu là *chỉ nằm trong phạm vi tôn giáo và luân lý chứ không bao hàm các giá trị chân lý khác*¹⁷.

Như vậy, nói tới giá trị chân lý Công giáo chính là Thiên Chúa. Để hiểu được Thiên Chúa là một đấng siêu nghiệm, toàn năng và tuyệt đối con người cần phải dùng lý trí và qua mạc khải của chính Thiên Chúa cho con người. Vậy việc truyền bá các giá trị chân lý được mạc khải là nhiệm vụ cơ bản của Giáo hội Công giáo từ xưa cho đến nay.

Tóm lại, nói đến giá trị chân lý Công giáo, cần đề cập tới các khía cạnh sau:

Nguồn gốc đồng thời là chân lý tuyệt đối là *Thiên Chúa*: Đem lại các giá trị về nhận thức, ý nghĩa của cuộc sống sau khi chết, giải thoát... Đặc trưng giá trị chân lý về Thiên Chúa mang tính siêu nghiệm, tuyệt đối. Kinh Thánh ghi: “Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý” (1Tm 2, 4).

Chân lý tuyệt đối trên được truyền cho con người qua mạc khải bằng *Kinh Thánh*. Đó là Lời Chúa nên cũng là chân lý có giá trị tuyệt đối trong *khía cạnh niềm tin và luân lý*. Dem lại các giá trị cho con người như: đạo đức, lối sống, thờ phụng... Kinh Thánh không chỉ làm mạc khải cho con người chân lý về Thiên Chúa mà *cũng làm chứng cho việc đến với chân lý về Thiên Chúa phải tin vào chúa Jesus chính là hiện diện của Thiên Chúa nơi trần thế* (Ga 5, 36-39).

Làm chứng cho chân lý đồng thời cũng là *biểu hiện của chân lý về Thiên Chúa trong đời thực là Chúa Jesus*. Tìm trong bộ Kinh Thánh có rất nhiều đoạn nói về chân lý, và có nhiều đoạn khẳng định Chúa Jesus Kitô chính là chân lý. Đón nhận chân lý của Thiên Chúa chính là đón nhận Chúa Jesus, khước từ chân lý là khước từ Chúa Jesus, vì chỉ ở nơi Chúa Jesus mới có chân lý, chẳng hạn, trong sách Ga 18,37c, ở bối cảnh khi Chúa Jesus chuẩn bị tử nạn, trong cuộc đối chất với tổng trấn La Mã Pilatus (Philatô), Jesus đã tuyên bố mình làm chứng chân lý đồng thời cũng là chân lý: “Tôi đã sinh ra và đến thế gian nhằm mục đích này: Làm chứng cho sự thật (chân lý). Ai đứng về sự thật (chân lý) thì nghe tiếng tôi”. Một đoạn khác trong sách Phúc Âm của John (Gioan), thánh sử cũng đã khẳng định Chúa Jesus làm chứng cho chân lý là Chúa Cha (Thiên Chúa), và Jesus là đường đến với chân lý, đồng thời cũng chính là chân lý. Khi môn đồ Toma nói với Chúa Jesus là không biết ông đi đâu và làm sao để biết đường¹⁸, Jesus đáp: “Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống. Không ai đến với Chúa Cha mà không qua Thầy. Nếu anh em biết Thầy, anh em cũng biết Cha Thầy. Ngay từ bây giờ, anh em đã biết Người và đã thấy Người” (Ga 14, 6).

Chúa Jesus không những mạc khải cho nhân loại về Thiên Chúa mà qua con người Jesus thực nơi trần thế (Ngôi Lời nhập thể) trong khung cảnh văn hóa Do Thái thời La Mã cai trị cách nay hơn 2.000 năm, Jesus còn truyền đạt cụ thể *chân lý về con người*, tức một sự thật về con người. *Chân lý về con người* mà Công giáo bảo vệ và truyền bá chính là việc khẳng định rằng: con người là tạo vật được Thiên Chúa tạo nên theo hình ảnh của mình nên là một *chủ thể với đầy đủ phẩm giá, ý trí và tự do cần phải được tôn trọng*. Từ việc khẳng định chân lý về con người như vậy nên việc đề cao *sự thật giữa con người với con người* qua những hành động, như: *làm chân lý, sống chân lý, thực hành chân lý*... luôn là mẫu số cơ bản của Công giáo, trong đó yếu tố đặc biệt quan trọng được Công giáo đề cao là *tình yêu thương*. Điều này có thể thấy rõ qua các sách Cựu Ước với các sách Tân

Ước trong bộ Kinh Thánh. Cũng có thể tìm thấy trong sách Phúc âm theo thánh Gioan nói tới chân lý không phải chỉ như là một ý niệm trừu tượng trong đầu óc, nhưng còn như là *cái gì phải mang ra thực hành, thậm chí Gioan nói tới: phải “làm chân lý”*¹⁹. Thánh sử viết: “*Những kẻ sống theo sự thật (chân lý), thì đến cùng ánh sáng để thiên hạ thấy rõ: Các việc của người ấy đã được thực hiện trong Thiên Chúa*” (Ga 3; 21).

Như vậy, Thiên Chúa tuy siêu phàm khó nắm bắt nhưng cuối cùng đã biểu lộ khuôn mặt cụ thể của mình qua Chúa Jesus Kitô. Ngài không chỉ là một Thiên Chúa thống trị, nhưng là một Thiên Chúa yêu thương, khiêm hạ, phục vụ. Bằng cái chết trên thập giá để cứu chuộc nhân loại khỏi tội lỗi, Thiên Chúa mang lấy những nỗi đau khổ của con người, chia sẻ cuộc sống với con người, và mở đường cho con người đến sự sống vĩnh cửu. Đó là một chuỗi các sự kiện thể hiện tình yêu thương của Thiên Chúa với con người, đồng thời cũng là tuyên bố với nhân loại về chân lý về con người theo nhãn quan Công giáo.

Rõ ràng nếu Công giáo chỉ dừng ở các giá trị chân lý trừu tượng và siêu nghiệm thì liệu nó có sức sống đến mấy nghìn năm qua? Trên thực tế là từ chân lý tuyệt đối siêu nghiệm là Thiên Chúa, Công giáo muốn thông qua đó để truyền đạt về một chân lý gần gũi của khía cạnh đời sống đó là *chân lý về con người*. Chúa Jesus là *tích hợp các giá trị chân lý siêu nghiệm và giá trị chân lý thuộc khía cạnh đời sống* (sống thật, nói thật, công lý, yêu thương...) trong đó các giá trị chân lý thuộc khía cạnh đời sống dường như là một đặc trưng nổi bật của Công giáo được Jesus mạc khải cho loài người thoát ra khỏi các khuôn phép sống theo lề luật của Do Thái giáo trước đó. Chân lý về con người mà biểu hiện cơ bản của Công giáo là yêu thương đã đem lại những giá trị lớn trong đời sống người tín đồ. Yêu thương là khởi nguồn của các hệ giá trị khác như từ thiện, bác ái, chia sẻ, tình anh em, huynh đệ..., nếu không có yêu thương thì con người không thể hành động những việc làm tốt đẹp với những người khác.

Linh mục Phan Tấn Thành nhận xét về giá trị chân lý về con người của Công giáo như sau: “Thiên Chúa tạo dựng con người vì yêu thương con người. Thiên Chúa dựng nên con người cho Thiên Chúa. Đây là nền tảng của phẩm giá con người: con người không phải là một dụng cụ được sản xuất cho cho một mục tiêu khác. Không ai được phép đối xử người khác như một đồ vật thí nghiệm. Điều này không những đòi hỏi phải tôn trọng mạng sống con người, dù là bào thai hay người tàn tật, nhưng còn

tôn trọng phẩm giá con người (loại trừ mọi thứ khai thác bóc lột). Đi xa hơn nữa, chân lý về con người đòi hỏi liên đới với những con người dốt nát, nghèo khổ, bệnh tật, tạo cho họ điều kiện sống xứng với nhân phẩm. Trên thực tế, lịch sử đã cho thấy chân lý về con người đã giúp bảo vệ những thành phần yếu ớt trong xã hội khỏi sự đàn áp của bạo quyền....

Vì thế, khi mở rộng đến Thiên Chúa, con người mở rộng ra cõi vô biên (thay vì bị nhốt trong cái cũi của cái tôi), vươn đến chân lý và tình yêu tuyệt đối”²⁰.

Giá trị chân lý Công giáo nằm ở đâu trong cấu trúc của thực thể này? Nó thuộc về khía cạnh tín lý (Dogme) của Công giáo, tức những điều mọi người Công giáo phải tin và đó là chân lý. Không có tín lý, và không khẳng định chân lý cứu rỗi, Công giáo sẽ rơi vào lạc giáo, hoặc không thể tập hợp tín đồ. Chân lý Công giáo gồm hai lĩnh vực cơ bản, chân lý về Thiên Chúa và chân lý về con người. Nếu nhận biết chân lý vào Thiên Chúa phải nhờ vào *niềm tin* (đức tin), và đặc trưng của chân lý này có tính chất *trừu tượng siêu nghiệm* thì chân lý về con người đòi hỏi phải *hành động*, có tính chất *thực tiễn* mà mẫu số chi phối toàn bộ là tình yêu thương như mẫu gương của Thiên Chúa dành cho con người.

Tuy nhiên, việc đề cao giá trị chân lý Công giáo trong một thế giới riêng không quan tâm đến các hệ giá trị khác cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến người Công giáo khó hòa nhập với các thiết chế xã hội khác, hoặc dễ gây ra những xung đột giá trị. Nhìn lại lịch sử Công giáo thế giới và Việt Nam, đôi khi Công giáo đề cao thái quá niềm tin, coi mình là người nắm chân lý duy nhất, do đó muốn tổ chức một đời sống từ luân lý - đạo đức, kể cả thái độ chính trị theo các giá trị Công giáo mà không cần xem xét đến các thực thể xã hội khác. Về điểm này đã có ý kiến cho rằng: “khuyết điểm tiêu biểu của Công giáo là sự độc đoán của một hàng giáo phẩm Rome tự coi mình nắm được chân lý rạn ngời”²¹. Còn Linh mục Nguyễn Hồng Giáo nhận định: “Kitô giáo có một điểm coi là rất khó chịu, thậm chí không thể chịu nổi. Nó liên quan đến thái độ của các tín đồ xác tín rằng đạo của mình là “đạo thật”. Từ đó rơi vào kiêu căng tự mãn. Cũng có nhiều nhà truyền giáo muốn áp đặt chân lý của mình cho kẻ khác”²².

2. Giá trị luân lý Công giáo

2.1. Khái niệm luân lý, đạo đức của Công giáo

Vì là tập thể đặc biệt (thiêng) nên Công giáo cũng như các tôn giáo khác phải có những quy định ràng buộc các thành phần cấu thành thực

thể đặc biệt này để có những nguyên tắc bảo toàn chân lý, rao truyền chân lý và định hướng tập thể các thành viên có lối sống hợp với các chân lý đã tuyên xưng. Những quy tắc hành động nhằm bảo toàn chân lý đó đã định hình nên các giá trị luân lý - đạo đức của Công giáo.

Nếu chân lý dạy những điều *phải tin* thì luân lý Công giáo dạy những điều con người *phải làm* để bảo vệ, diễn tả, và truyền giảng chân lý mà mình đã tin theo²³. Cũng như chân lý, luân lý Công giáo là những định hướng người tín đồ dựa trên hai trục của là Thiên Chúa và con người.

Giáo hội Công giáo không gọi là *đạo đức Công giáo* mà thường diễn tả dưới góc độ *luân lý Công giáo*. Vậy luân lý là gì? Luân lý được định nghĩa như sau:

“Luân lý (Moral, Morale) là hệ thống những quy tắc làm chuẩn mực, giúp con người - cá nhân hay xã hội - sống đạo làm người.

Như thế, luân lý bao gồm những quy tắc và cách sống những quy tắc đó. Người sống theo luân lý biết cân nhắc và điều chỉnh tốt các thái độ, hành vi để sống đúng với nhân phẩm. Luân lý Kitô giáo còn nhấn mạnh, các tín hữu phải sống đúng tư cách Kitô hữu. Thiên Chúa chính là cùng đích và nguồn hạnh phúc của con người. Con người được mời gọi quy hướng về Ngài, trở nên giống hình ảnh Ngài qua việc “bước theo” Đức Jesus Kitô”²⁴.

Thoát ra khỏi nghĩa thần học, *luân lý còn được hiểu là việc tìm hiểu cơ bản về hoạt động của con người trong tương quan với Thiên Chúa*²⁵.

Gắn với luân lý Công giáo, Giáo hội cũng rất coi trọng môn đạo đức học và coi đạo đức học: (Ethics, Ethique) là môn nghiên cứu về cách sống tốt lành. Đạo đức học là những nghiên cứu về cách *ứng xử của con người theo lý trí tự nhiên*, nhằm đưa ra những nguyên tắc để phân định đúng sai trong các hành vi nhân linh²⁶. Đạo đức học liên quan và là nền tảng cho nhiều phạm vi khác nhau, như: giáo dục, y tế, xã hội, kinh tế, chính trị, sinh học, môi trường, v.v...²⁷

Edgar Morin nhận định: “Nhìn chung, luân lý và đạo đức là hai khái niệm có mối liên hệ hữu cơ. Đạo đức học có mối liên hệ hữu cơ với luân lý, đạo lý (morale). Ở đây, luân lý gắn liền với sự quyết định và hành động của cá nhân, còn đạo đức, hay đạo đức học dùng để chỉ một quan điểm siêu cá nhân. Song luân lý cá nhân phải tùy thuộc vào một thứ đạo đức, hoặc tiềm ẩn, hoặc minh bạch. Đạo đức sẽ khô cằn và trống rỗng

nếu không có luân lý cá nhân. Cho nên hai từ đạo đức và luân lý không thể tách rời nhau, nhiều lúc chồng lấn nhau, trong những trường hợp như vậy có thể sử dụng cả hai từ này”²⁸.

Như vậy, luân lý Công giáo và đạo đức có những điểm trùng nhau, nó đều là những chuẩn mực để đưa ra những phán quyết hành động của con người dựa trên các tiêu chí tốt - xấu, thiện - ác.... Dù vậy theo quan điểm của Giáo hội thì, luân lý khác các nguyên tắc đạo đức ở chỗ nó nằm trong chiều sâu của tâm hồn con người, và quan trọng nó luôn đặt trong *các chuẩn mực được quy định bởi niềm tin vào Thiên Chúa*. Còn đạo đức được đưa ra trước những quyết định hành vi mà nó được thực hiện bởi ý chí tự do, không liên quan đến cái thiêng mà chủ thể tin nhận. Nói giá trị luân lý - đạo đức tức muốn nói tới các nguyên tắc ứng xử, những quyết định của hành vi dựa trên các nguyên lý của tôn giáo yêu cầu nhưng có khi cũng được đem áp dụng ngay cả trong đời sống thường nhật bằng những hành vi đạo đức.

Luân lý có hai khía cạnh:

(1) *Các nguyên tắc luân lý bản chất*: Tức là nhắm tới việc ta sẽ trở thành loại người như thế nào trên các nguyên tắc cơ bản của luân lý Công giáo, chẳng hạn muốn thánh thiện giống Chúa Jesus, khiết tịnh như Trinh nữ Maria...

(2) *Luân lý hành động*: Tập trung đến hành động đúng đắn, đến việc đưa ra quyết định. Khía cạnh này, hành động luân lý có thể gọi là hành động đạo đức²⁹.

Chẳng hạn, mến Chúa - yêu người là đích hướng đến của một người tín đồ. Nhưng trên thực tế hằng ngày, người tín đồ đó làm rất nhiều việc tử tế (đạo đức) mà không bị ràng buộc hay quy chiếu cụ thể bởi một hành vi luân lý nào cả, nhưng xét trên toàn cục thì nhiều việc tử tế của anh ta trong cuộc sống thường nhật đó lại hướng đến một giá trị luân lý cơ bản nhất của Công giáo là “yêu người”, tức phải yêu thương tha nhân, yêu thương những người anh em đồng loại của mình.

2.2. Giá trị luân lý Công giáo

Nhìn tổng quát, giá trị luân lý Công giáo được quy định bởi Kinh Thánh là Lời Chúa mạc khải và dạy dỗ con người. Đây là một bộ sách đồ sộ trong đó chứa đựng nhiều quan điểm về nhân sinh quan và thế giới quan theo nhãn quan Công giáo. Những quan điểm luân lý Công giáo

trong Kinh Thánh được thực hành và thừa nhận ở nhiều nền văn hóa qua không gian và thời gian khác nhau. Kinh Thánh chứa đựng nhiều yếu tố siêu nhiên huyền thoại mà nhìn dưới con mắt thực chứng thật khó hiểu. Tuy nhiên, trong những nhãn quan riêng đó lại ẩn chứa những nội dung ứng xử vẫn mang hơi thở thời đại, vượt ra khỏi khuôn khổ từ một tôn giáo ban đầu của một dân tộc ở vùng Trung Đông cổ đại. Trong 73 sách, gồm cả các sách Tân Ước và Cựu Ước, thì gói gọn vào hai nội dung hành xử là: *con người với con người và con người với Thiên Chúa*. Hai thực ứng xử này được gom lại trong Mười điều răn (giới luật). Mười điều răn này có thể xem là luật cơ bản nhất của Thiên Chúa tặng cho tín đồ của mình. Tất cả mọi giáo dân trên các châu lục đều học và hiểu mười điều răn này, tức *tính thống nhất và phổ cập ở mức độ toàn cầu*. Trong mười điều răn đó thì có ba điều định hướng cho ứng xử của con người với Thiên Chúa, còn lại bảy điều định hướng ứng xử giữa con người với con người, và được gói gọn trong *cặp giá trị phổ quát nhất của luân lý Công giáo là: Mến Chúa - Yêu người*. Hai nội dung này được đặt trong *quan hệ ràng buộc biện chứng với nhau*. Muốn mến Chúa thì trước tiên phải biết yêu thương con người, yêu thương đồng loại của mình. Người Công giáo cho rằng: Nếu không đạt được những điều giản đơn đó thì làm sao có thể nói tới việc Kính Chúa. *Như vậy yêu người là tiền đề cơ bản để yêu Chúa*. Và để yêu thương con người, thì bảy điều răn kia là tổng hợp tất cả những triết lý sống cơ bản nhất của con người trong tương quan với gia đình, cộng đồng và xã hội.

Như trên đã trình bày, một số các chuẩn mực mang tính khuôn mẫu đời sống cá nhân mà mọi tín đồ phải hướng đến và phấn đấu và bản thân chúng được định ra như những giá trị. Nhưng để đạt được những giá trị trên, Công giáo còn định ra các giá trị mang tính *chuẩn mực cho đời sống và hành động của các tín đồ*. Nghĩa là trong quan hệ đạo đức, để đạt tới những nấc giá trị đó, người tín đồ phải biết cân nhắc những điều gì nên làm và những điều gì không nên làm. Tức là thực hành đạo đức theo những luật riêng của đạo. Đối với người Công giáo thì mười điều răn là “*giao ước được Thiên Chúa ký kết với dân Ngài*” nên *nó cơ bản và phổ biến nhất về các nguyên tắc chuẩn mực luân lý Công giáo*. Ngoài ra, cũng có thể coi đây là bộ “*luật về đạo đức*” của người Công giáo có giá trị trường tồn. Truyền thống Công giáo nhìn nhận mười điều răn có tầm quan trọng và ý nghĩa hàng đầu. Nó là *nền tảng* để phát triển các quan điểm học thuyết xã hội của Công giáo³⁰.

Mười điều răn này tóm lại chỉ có hai điều trên mà căn cốt nhất trước hết kính yêu một Thiên Chúa trên hết mọi sự, sau là yêu người như yêu mình ta vậy. Người Công giáo vẫn hay tổng kết lại thành giá trị: *MẾN CHÚA - YÊU NGƯỜI*. Có nghĩa luân lý Công giáo chạy theo hai trục ứng xử của con người là: Con người với cái thiêng. Ở đây là Thiên Chúa và con người với con người, tức ứng xử với anh em đồng loại với mình, thuật ngữ Công giáo gọi việc ứng xử theo hai trục này là các *nhân đức đối nhân* và *nhân đức đối thần*.

Nhân đức được xem là một thói quen tốt, nhân đức đòi hỏi hai khía cạnh: 1) Phán đoán và thực hành nó thành thạo; 2) Hành động của thói quen đó phải hướng về mục đích tốt.

Như trên đã đề cập, các nhân đức được chia hai loại, *nhân đức đối nhân* và *nhân đức đối thần*. Nhân đức đối nhân là các chuẩn mực giá trị trong quan hệ với người khác như: *Khôn ngoan, tiết độ, can đảm, công bằng* (gọi là bốn nhân đức trụ). Sách giáo lý Công giáo cho rằng: “Nhân đức là một xu hướng thường xuyên và kiên trì để làm điều thiện. Các nhân đức nhân bản là những xu hướng thường xuyên và kiên trì của lý trí và ý chí nhằm điều khiển các hành vi của chúng điều tiết các đam mê và hướng dẫn nếp sống chúng ta cho phù hợp với lý trí và đức tin. Các nhân đức đó có thể được quy tụ quanh bốn nhân đức trụ: khôn ngoan, công bằng, can đảm và tiết độ”³¹ (SGLHTCG, số 1833, 1834).

Khôn ngoan: Điều quan trọng nhất để nhận ra điều gì đúng từ đó mà vận dụng vào thực tiễn.

Công bằng: Biết trao cho người khác những gì thuộc về họ, biết cái gì là của mình.

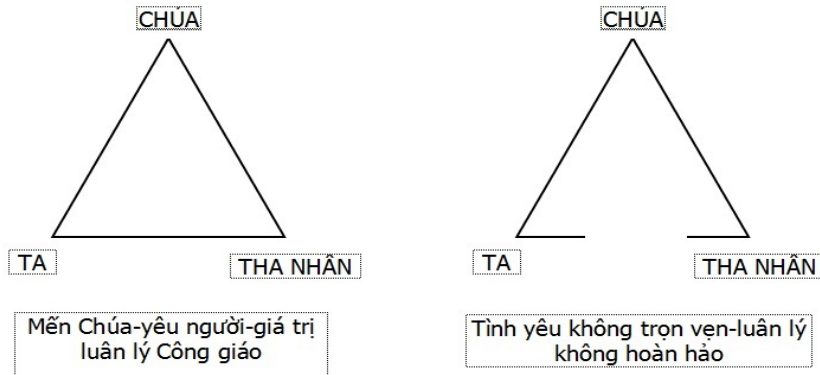
Tiết độ: Quan trọng nhất là điều hòa các khao khát trong mình (dục).

Dũng cảm: Điều quan trọng để vượt qua những khó khăn trở ngại.

Còn nhân đức đối thần gồm đức tin, đức cậy, đức mến. *Đức tin*: Tín nhiệm Thiên Chúa và lời hứa cứu độ của Ngài. Như vậy, *đức tin* tạo dựng cho con người trước tiên niềm tin ở nhau. *Đức cậy*: Chiến đấu với sự ngã lòng và mong đợi các lời hứa trong tương lai. *Đức mến*: Tình yêu đối với Thiên Chúa và đối với con người, nó bao trùm đời sống Kitô giáo. Nhân đức khiến con người không những thực hiện hành vi tốt mà còn cống hiến những điều tốt nhất cho bản thân mình. “Mục đích của đời sống nhân đức là trở nên giống Thiên Chúa”³² (SGLHTCG, số 1803).

Điểm khác biệt giữa các nhân đức đối nhân và nhân đức đối thần là: Nhân đức đối thần được xem là ơn huệ của Thiên Chúa. Chúng không thể đạt được bằng ý trí chủ quan của con người mà qua sự ân sủng của Thiên Chúa.

Tóm lại, giá trị luân lý Công giáo có thể được tóm lược bằng sơ đồ sau, mà theo đó Thiên Chúa nhập thể làm người để dạy nhân loại một thứ luân lý chính là “tình yêu trọn vẹn”, theo tam giác: mến Chúa - yêu người.



Theo sơ đồ trên, yêu Chúa mà không yêu tha nhân là không đúng với giá trị luân lý Công giáo, đó là một luân lý không trọn vẹn, một tình yêu không hoàn hảo, cho nên trong Kinh Thánh có câu: “Dưới đất con cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy. Dưới đất, con tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” (Mt 16,19). Đồng thời, chính Chúa đã dạy nên tha cho kẻ thù, yêu thương cả kẻ thù. Một điểm gần khó thực hiện với người phạm. Tuy nhiên, luân lý Công giáo đã dạy sự chiến thắng kẻ thù kiểu này bằng sự “khôn ngoan” và do sức mạnh “tình yêu” mà Chúa Jesus là một mẫu gương chuẩn mực có những hành động vượt hẳn so với suy nghĩ thông thường của con người (Lc 6, 27-38). Có thể nói giá trị luân lý quan trọng nhất của Công giáo là sự biện chứng: *từ tình yêu Thiên Chúa đã tạo ra gạch nối gắn kết yêu thương giữa con người với con người.*

Ngoài những luân lý cá nhân, thể hiện rõ trong mười điều răn, Công giáo còn chú trọng đến “luân lý xã hội nữa”, tức chú trọng đến vai trò của người giáo dân xét trong tương quan với xã hội với các khía cạnh cụ thể trong gia đình, nghề nghiệp, thương mại, kinh tế, chính trị; với những vấn đề nóng bỏng của thời đại như: nhân quyền, lao động, lương bổng, quyền tư hữu, chiến tranh, hòa bình.... “Luân lý xã hội” đó chính là Học thuyết xã hội của Công giáo³³. Mục đích của Học thuyết là tác động vào đời sống

cá nhân người Kitô hữu, giúp biến đổi suy nghĩ và đời sống cá nhân của họ trước các vấn đề xã hội. Phía Công giáo nhận ra chỉ chuyên chú vào giữ luật luân lý cá nhân sẽ làm cho người tín đồ hạn chế tâm thức nhạy bén với thời cuộc, làm cho họ chỉ hiểu đơn giản làm sao không làm vi phạm các điều cấm như ngoại tình giết người..., thì Học thuyết xã hội muốn đề xuất những động lực để Kitô hữu đóng góp tích cực cho xã hội, như một nhận định: đó là cách Công giáo tìm chỗ đứng trong nhà nước thế tục³⁴.

Bảng tham chiếu so sánh vai đặc trưng luân lý giữa mười điều răn³⁵ và Học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo

Đặc trưng	Mười điều răn	Học thuyết xã hội
Khía cạnh tác động, hiệu ứng	- Nhấn mạnh tới yếu tố cá nhân; hành vi cá thể (hiệu ứng nhỏ lẻ); đề cập tới nhiều khía cạnh đạo đức bình dân. - Chuyên chú vào giữ luật luân lý cá nhân, sống đạo, giữ đạo; phạm vi gia đình, xứ, họ đạo.	- Nhấn mạnh tới yếu tố tập thể; liên kết hành động chung (hiệu ứng đám đông); có đề cập tới những giá trị chung nhân loại. - Muốn đề xuất những động lực để Kitô hữu dần thân vào các lĩnh vực đời sống xã hội; phạm vi tác động có thể vượt qua biên giới quốc gia.
Đối tượng hướng đến	- Bình dân; dành cho các tín đồ; phổ cập với giáo dân	- Trí thức; chủ yếu cho chức sắc; có cả người ngoài Công giáo; tiếp nhận có chọn lựa.
Trục giá trị	- Là giá trị gốc, nền tảng, (Thánh Kinh); Có tính bền vững, “bất biến” (tín điều). - Nhấn mạnh tới giá trị nội tại.	- Căn cứ trên giá trị gốc nhưng thêm yếu tố bối cảnh, thần học (các thông điệp); Có tính lịch sử (giáo huấn). - Nhấn mạnh tới giá trị ngoại tại.
Áp dụng	- Bắt buộc, phổ biến. - Đa số giáo dân biết đến.	- Tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, áp dụng căn cứ trên những đặc thù. - Không phải đa số giáo dân đều biết đến.
Trong tương quan với hệ giá trị khác	- Có tương quan thuận-nghịch với các giá trị cộng đồng, giá trị văn hóa, giá trị tôn giáo ngoài Công giáo...	- Có tương quan thuận - nghịch với các giá trị, hệ tư tưởng giữ vai trò chủ đạo, đang thịnh hành trong xã hội.

Học thuyết xã hội của Công giáo ngoài định hướng cá nhân còn có tính chất định hướng tập thể cho mọi tín đồ, và mời gọi sự tham gia của cả những thành phần ngoài Công giáo. Những luận điểm của Học thuyết này có sức hút với nhiều đối tượng. Tuy nhiên, vì nó mang tính phổ quát, lại được suy tư chủ yếu ở Vatican, nên việc áp dụng được Tòa Thánh cho là “tùy thuộc vào hoàn cảnh” của các Giáo hội, hay Hội đồng Giám mục các địa phương. Rõ ràng vấn đề “mở” nhưng cũng là thách đố và bỏ ngõ. Bởi khi nó rời “trục tọa độ gốc” ban đầu, rời nguyên lý chung, áp dụng vào các bối cảnh đặc thù đôi khi không tránh khỏi những bất đồng trong cách nhìn hay những xung đột giá trị.

Khía cạnh luân lý - đạo đức của các tôn giáo đều có những ưu điểm mà các cộng đồng xã hội khác phải thừa nhận. Tuy nhiên, tôn giáo nào cũng mang trong mình những nguyên tắc kiên định để bảo vệ niềm tin. Các tín điều tôn giáo là căn cốt ít thay đổi trong dòng chảy của lịch sử. Các nghi lễ thờ phượng, biểu đạt niềm tin dù thay đổi nhưng còn rất chậm so với những biến chuyển của bối cảnh sinh hoạt con người. Sự bảo vệ căn tính của các tôn giáo là một trong những nhân tố quan trọng phát sinh những hạn chế của tôn giáo. Người ta có thấy phần nào khía cạnh hạn chế qua những hành động quá khích của một số tín đồ Islam giáo, hay sự hôn nhân trong nội đạo, bảo lưu các giá trị của người Do Thái, Islam giáo; sự cứng rắn của Công giáo trong vấn đề đồng tính, ly hôn; hay ở Mỹ có những cộng đồng tôn giáo từ chối tiếp cận với thế giới hiện đại, v.v..

3. Vai trò của giá trị chân lý và luân lý Công giáo trong việc ổn định cộng đồng

Ở trên đã trình bày những thành tố cơ bản để nhận diện giá trị chân lý và luân lý Công giáo. Tuy nhiên, để hiểu thêm tính hữu dụng của hai hệ giá trị này, hãy thử phân tích và lý giải xem những thành tố của hai hệ giá trị này đã được truyền tải, phổ biến và phát huy vai trò hữu như thế nào trong những cộng đồng Công giáo.

3.1. Yếu tố tích cực của cộng đồng Công giáo được xã hội thừa nhận

Ở Việt Nam, có một thực trạng tốt mà ít người lý giải, đó là: Tại sao ở các vùng Công giáo, đặc biệt là các làng Công giáo toàn tòng (đa phần dân số ở đó theo Công giáo) lại có một đời sống xã hội khá ổn định, ít có những xáo trộn đời sống dân cư bởi các tệ nạn đang xâm nhập hành hoành ở bên ngoài xã hội. Điều này dường như mâu thuẫn với thực trạng của việc tuyên truyền cổ động phòng chống các tệ nạn xã hội trên các

kênh truyền thông của Nhà nước, thường không đạt hiệu quả như mong muốn. Phải chăng chính yếu tố tôn giáo đã tạo ra các giá trị mạnh tính định hướng cho cộng đồng dân cư vùng giáo khiến họ có thể đề kháng tốt với các tệ nạn xã hội? Thực trạng này cũng khẳng định nhận định của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo, rằng có nhiều giá trị phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới như trong tinh thần Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị là rất đúng với thực tế.

Theo báo cáo tổng kết của Ủy ban đoàn kết Công giáo Việt Nam tại nhiệm kỳ V (2008-2013), tại thành phố Cần Thơ, 100% gia đình Công giáo trong các khu dân cư đã đăng ký hưởng ứng xây dựng gia đình văn hóa. Qua bình xét của các khu dân cư, cuối năm 2012, có 98% gia đình Công giáo được công nhận gia đình văn hóa. 39/39 khu dân cư có đông tín đồ Công giáo được công nhận là khu vực văn hóa. Tại Lâm Đồng, các xứ đạo đã thực hiện có hiệu quả nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, trong bảo vệ môi trường. Điển hình như ở xứ đạo Kim Phát (huyện Đức Trọng), xứ đạo Lạc Viên (Đơn Dương), xứ Thánh Mẫu (Đà Lạt) nhiều năm nay, giáo dân tổ chức đám cưới tiết kiệm, không say sưa rượu bia trong đám cưới; không làm cỗ linh đình đối với đám tang, loại bỏ các hủ tục trong việc tang. Một số xứ đạo còn thành lập Ban tang lễ để tự nguyện phục vụ miễn phí không phân biệt tôn giáo. Tại Long An, các khu dân cư có đông tín đồ Công giáo sinh sống đã trở thành các ấp, khu phố, phường văn hóa, xã văn hóa, các hộ gia đình đạt trên 90% là gia đình văn hóa. Mọi người, mọi nhà đều tích cực thực hiện nếp sống văn minh, mọi người tới tuổi đều tham gia lao động, có nghề nghiệp ổn định để vươn lên thoát nghèo, cộng đồng sống an hòa. Đời sống tinh thần và vật chất của các giáo dân được nâng lên rõ rệt, các hộ nghèo giảm đáng kể. Nhiều hộ thoát nghèo, khá lên nhờ sự giúp đỡ của cộng đồng, từ nhà cửa, học hành, việc làm. Mặt khác, tham gia tích cực các phong trào xây dựng khu dân cư, nông thôn bằng việc xây dựng hàng trăm cây cầu nông thôn, làm, sửa đường, kênh mương, bờ kè, hiến đất xây dựng công trình công cộng.

Báo cáo về phong trào Công giáo yêu nước giai đoạn 2008-2013 của Ủy ban đoàn kết Công giáo Việt Nam cũng cho thấy: Tại các xứ họ đạo, người Công giáo luôn tích cực tham gia phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, coi việc phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội là nhiệm vụ quan trọng. Cộng đồng giáo dân cùng nhau có trách nhiệm chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cùng nhau xây dựng và thực hiện tốt các nội quy, quy ước,

hương ước nhằm thực hiện tốt Pháp lệnh Dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân với xã hội, làm trọn bổn phận của cộng đoàn giáo dân với Giáo hội. Nhiều xứ họ đạo, khu dân cư đã đi sâu phát động xây dựng phong trào xứ họ đạo trở thành khu dân cư an toàn, làm chủ, không có tội phạm và các tệ nạn xã hội. Nhiều tổ hòa giải, tổ tự quản đã phát huy tốt trách nhiệm của mình với cộng đồng dân cư. Nhiều người lầm lỗi được cộng đồng dân cư và các cơ quan, ban ngành giáo dục tạo điều kiện cho họ hòa nhập cộng đồng.

Trong đợt khảo sát xã hội học của Viện Nghiên cứu Tôn giáo năm 2014 trên địa bàn 5 tỉnh thành là Hà Giang, Hà Nội, Đà Nẵng, Đắk Lắk và TP. Hồ Chí Minh với nhiều tôn giáo, riêng Công giáo có 185 người được hỏi. Với câu hỏi “có phải tôn giáo góp phần tạo ra ổn định xã hội”, 89,2% người được hỏi trả lời đồng ý với nhận định này. Ngoài ra, họ cũng đồng ý cao với các nhận định, như: “Tôn giáo khiến con người sống thiện hơn” (97,8%); “Tôn giáo khiến con người biết sống vì người khác hơn” (96,2%), và “Tôn giáo xóa nhòa sự phân biệt giàu nghèo” (80,5%); “Tôn giáo khiến con người sống an phận” là nhận định chiếm sự đồng ý của tín đồ ít nhất (55,1%). Có tới 98,9 % người Công giáo được hỏi đồng ý với nhận định rằng: tôn giáo góp phần vào việc đoàn kết cộng đồng xã hội³⁶.

Những chỉ báo trên đây cho thấy người Công giáo Việt Nam luôn luôn chứng tỏ có nhiều mặt năng động tích cực trong các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Thích ứng nhanh nhạy kịp thời với cơ chế thị trường, tìm tòi học hỏi để nắm bắt chủ trương chính sách kinh tế - xã hội, cố gắng vươn lên trong điều kiện thực tế cuộc sống, tự giác thực hiện các nghĩa vụ của người công dân đối với nhà nước.

3.2. Lý giải nguyên nhân nhìn từ góc độ giá trị chân lý và luân lý Công giáo

3.2.1. Mẫu hình của chân lý

Lý giải mối quan hệ giữa yếu tố tôn giáo (Công giáo) với việc tạo ra ổn định cộng đồng dân cư cần phải nhìn trong một hệ thống với nhiều tổ hợp khác nhau. Nói đến vùng giáo, tức nói đến các tổ chức cơ sở của Giáo hội. Đó là xứ đạo, họ đạo, với một tập hợp các giáo dân được liên kết với nhau bởi cùng một lối sống đạo, một nghi lễ thực hành, cùng được hướng dẫn sinh hoạt và định hướng niềm tin bởi một linh mục quản xứ. Điều đó tạo ra một cộng đồng cấu kết bền chặt. Sợi dây kết dính họ chính là *niềm tin quy tụ về Thiên chúa. Thiên Chúa hiện diện như một*

biểu tượng chuẩn mực của Chân lý tuyệt đối. Với người Công giáo, Chúa Jesus Kitô như một *mẫu hình con người lý tưởng* để các họ học hỏi. Một mẫu hình như vậy với các thiên tính và nhân tính vừa huyền thoại vừa đời thực kết tinh trong niềm tin Công giáo một sự mẫu nhiệm, có tính linh thiêng cao cả, khiến nhiều tín đồ vừa *ngưỡng mộ* vừa *vâng phục*. Mẫu hình Jesus là một mẫu hình Chân lý tồn tại xuyên qua các thể chế chính trị, suốt chiều dài lịch sử. Nó trở thành *biểu tượng bất tử* và có sức sống mãnh liệt cho tới ngày hôm nay.

Như vậy, người Công giáo dù ở Việt Nam hay ở nơi khác, trong suy nghĩ từ khi còn nhỏ, trải qua quá trình sống đạo cho tới khi trưởng thành, *đã biết tin, hi vọng và trông đợi vào một mẫu hình chân lý. Thực hành theo các chuẩn mực của mẫu hình đó để bày tỏ niềm tin với Chúa.* Các quy tắc thực hành đó đã tạo thành *một cộng đồng có những ý thức đạo đức giống nhau, mà nguyên tắc căn bản nhất của cộng đồng đó được quy tụ vào trong việc làm lành tránh dữ.*

Trên thực tế hiện nay, dù kinh tế xã hội có nhiều đổi thay so với trước đây, nhưng nhìn chung người Công giáo Việt Nam vẫn có niềm tin ở chân lý Công giáo, biểu hiện rõ nhất ở việc tin vào những điều Chúa nói. Có vẻ trước trào lưu tục hóa thì mẫu hình Thiên Chúa vẫn có vị trí quan trọng trong tâm tưởng nhiều tín đồ. Kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo năm 2013 tại 5 tỉnh Tây Nguyên với 399 phiếu hỏi tín đồ Công giáo, bước đầu cho thấy, với Công giáo, các tín điều cơ bản của tôn giáo này đều được những người trả lời bằng hỏi xác tín với một tỷ lệ cao, như: 98,7% người được hỏi tin là loài người được sinh ra bởi Chúa, Phép Thánh thể (phép Mình Thánh Chúa); Đề hiệp thông với Chúa được 100% người được hỏi trả lời tin; Có quý dữ (94%); Tội tổ tông truyền (97,2%); Cuộc sống trên Thiên Đàng (97,7%); Đức Mẹ hiện ra (97,5%); Có phép lạ (96,2%)...³⁷

Để dễ giải thích thêm cho việc an ninh vùng giáo tốt, cần phải trở lại lý tưởng của con người. Con người cần lý tưởng để sống. Lý tưởng đó ngoài các mục tiêu thực tế (cơm áo, chức vị, nhà cửa...) thì còn là *chân lý và các hệ giá trị*. Ví như đạo đức cách mạng, độc lập tự do, v.v., tức cần phải trả lời câu hỏi cùng đích điểm tựa của đời sống thực tại là gì? Con người sống, phấn đấu, hi sinh vì cái gì? Cái cùng đích của ý nghĩa đời người đó, người Công giáo gọi là Cánh chung (trạng thái sau cùng của con người trong tương quan với Chúa). Cánh chung đó được nhờ cậy

và phó thác tất cả cho Thiên Chúa và do cả việc ứng xử của người tín đồ với cặp giá trị nền Chúa - yêu người trong cuộc sống đời thực. Rõ ràng trong biến chuyển thường nhật của đời sống hiện đại thì Thiên Chúa vẫn là điểm tựa của niềm tin và hành xử của con người trong đời sống. Và như vậy trong cuồng quay của sự đảo lộn các giá trị sống như hiện nay, có thể nói người Công giáo *vẫn còn có một mẫu hình để gửi gắm và nương tựa*³⁸. Để làm điều đó, họ vẫn sống đạo và thực hành đạo đức bác ái hằng ngày như lời Chúa dạy qua các bài học giáo lý và luân lý. Nhìn sang những nhóm ngoài Công giáo, nhất là những người trẻ, trước thực tại như vậy, không ít rơi vào tình trạng mất niềm tin, mất phương hướng, thậm chí chệch hướng dẫn đến đổ vỡ trong cuộc sống. Phải chăng chúng ta đang trong thời kỳ đa dạng về các lựa chọn giá trị và mẫu hình? Nhưng trong bối cảnh đó, nếu chúng ta không có một lý tưởng và mục đích sống tốt, rõ ràng sẽ rất khó chọn cái nào là giá trị, cái nào là phi giá trị, cái nào là cốt lõi trong hệ giá trị hỗn độn đó? Trong tình cảnh như vậy, với không ít người trong giới trẻ hiện nay, đôi lúc định hướng ra một giá trị hay mẫu hình để bầu vút thật khó.

3.2.2. *Vai trò của gương sáng*

Thiên Chúa không chỉ tồn tại và hiện diện trong tâm trí tín đồ Công giáo với tư cách *chân lý* mà thông qua việc động nhập thể (Chúa sinh ra bởi Trinh nữ Maria và sống như một người thường; Ngôi hai Thiên Chúa làm người) chúa Jesus còn thể hiện *một gương sáng để các môn đệ và tín đồ học hỏi*.

Vấn đề đặt ra là: Trong khi người Công giáo có một gương sáng điển hình là Chúa Jesus thì người không theo tôn giáo khó tìm cho mình một gương sáng có *tính chất vĩnh cửu* như vậy. Các gương sáng của người không theo Công giáo thường gắn với các nhân vật lịch sử trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Nhưng những bài học về lịch sử hiện nay đang là một thực trạng nhức nhối của ngành giáo dục. Thành thử gương sáng của họ duy nhất vẫn là cha mẹ. Gương sáng này có thể bị biến đổi bởi ngoại cảnh, tức nó *không mang tính hình tượng đại diện cho nhiều người*. Trong khi đó thực trạng của việc tham nhũng, quan liêu và sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội, thậm chí còn làm họ *mất niềm tin vào điều tốt* ở trong thực tại. Vậy nên có một việc tử tế là khiến cả dư luận quan tâm. Hình như bên cạnh các gương xấu thì gương sáng trong hiện tại *ít quá*, cũng có thể do ít được truyền thông đề cập. Trong khi bên

Công giáo ngoài mẫu hình Jesus, còn có Đức mẹ Maria, các Thánh tông đồ và hàng loạt các Thánh giáo phụ khác. *Các mẫu hình lý tưởng ít nhiều cũng là một yếu tố chi phối con người ta hành động theo gương họ, có tác động và ảnh hưởng.* Cuộc phát động học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là việc khơi gợi lại gương sáng của một vĩ nhân điển hình của thế kỷ XX. Việc này tốt, nhưng cuộc phát động có vẻ khó ăn nhập trong bối cảnh nhiều thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam hiện nay *thiếu đi các điều kiện để đón nhận.* Dễ thấy họ không sống trong thời đại đó, không ở trong quá khứ đó, lại không yêu thích môn lịch sử bằng các môn học khác xu thời hơn, v.v.. Còn người Công giáo dù không sống với Jesus nhưng họ lại sống trong Bí tích Thánh thể từ bé, được rửa tội, rước lễ qua đó được hiệp thông (sợi dây liên hệ thiêng liêng) với Chúa, với mọi người trong cộng đồng của họ. Tức là, qua bí tích, họ vẫn gắn với truyền thống, với quá khứ. *Truyền thống đó có tác động sâu sắc tới việc hình thành đạo đức, lương tâm và lối sống của họ trong hiện tại.* Tất nhiên, điều này cũng chỉ tương đối, vì Giáo hội ngày nay cũng đang gồng mình lên để giữ các thanh niên Công giáo của họ giữ được căn tính vững vàng trước một bối cảnh mà họ gọi là “vấn nạn tục hóa”.

Gương sáng ở các xứ họ đạo ngoài các mẫu hình và biểu tượng thì đó còn chính là hành động của các chức sắc tôn giáo. Bên cạnh công việc thuần túy tôn giáo, họ thường xuyên cho lời khuyên với giáo dân, động viên thăm hỏi và thực sự đã phát huy vai trò tích cực trong việc ổn định cộng đồng tôn giáo của mình. Trong cuộc khảo sát về giá trị kể trên, có tới 95,7% người Công giáo được sự hướng dẫn về các mặt đời sống của chức sắc. Các lĩnh vực đời sống mà họ được chức sắc hay hướng nhất là đạo đức, lối sống (97,2%), giáo dục trong gia đình (85,3%)³⁹. Điều này cũng cho thấy bản thân các chức sắc Công giáo cũng rất quan tâm đến khía cạnh luân lý và giáo dục gia đình với những cộng đồng Công giáo mà họ coi sóc.

3.2.3. Việc giáo dục các giá trị luân lý Công giáo

Vấn đề này sẽ rõ hơn khi nhìn sang một cộng đồng lương dân, tức những người không phải là tín đồ của một tôn giáo nào. Sự cố kết của cộng đồng này ngoài yếu tố láng giềng hay huyết tộc thì nhìn chung không được quy tụ bởi niềm tin. Họ cũng không có các bài học luân lý - đạo đức theo nhãn quan Công giáo được lặp đi lặp lại từ bé cho đến lúc trưởng thành. Giá trị đạo đức tùy thuộc vào hai môi trường giáo dục cơ

bản là *gia đình*, và *nhà trường*. Hai môi trường này, người Công giáo cũng học, nhưng họ còn có một *môi trường thứ ba nữa là giáo dục của Nhà thờ* - (ở đây chúng tôi muốn ám chỉ tới các lớp giáo lý). Về đặc điểm của giáo dục luân lý cũng khác nhau. Nếu gia đình, nhà trường dạy nhiều về *các quy tắc đúng sai* để con người tự phân định khi hành động thì nhà thờ đạt tới một cách triệt để hơn đó là *gắn vào lương tâm người tín đồ một tâm lý ngăn ngừa điều ác*. Đó chính là *tâm lý buộc tội*. Ví dụ, việc có thai trước hôn nhân, người không Công giáo biết điều này là phạm vào các chuẩn mực đạo đức xã hội, và các bài giáo dục thiên về khuyên nhủ là hãy biết *gìn giữ kiềm chế* không quan hệ cho tới lúc thành hôn. Các bài dạy kiểu này chỉ được phổ cập ở cấp ba, thời điểm mà bản năng của con người có thể phá vỡ nó. Tức giáo dục nhắm vào *phần ngọn* của vấn đề. Ngược lại, với người Công giáo, với *tâm lý sợ tội*, được tuyên truyền ráo riết từ bé, thì khi hành vi đó định xảy ra với cá nhân nào đó, lập tức *các quy tắc luân lý như một sợi dây vô hình buộc lương tâm con người ta lại, ngăn ngừa hành động từ gốc rễ của nó*. Điều này có tính chất tạo cho người Công giáo, đặc biệt là thanh niên Công giáo có tính *đề kháng* tốt hơn trước những bối cảnh cám dỗ vào các tệ nạn xã hội của thời cuộc. Tuy nhiên, điều này cũng không tuyệt đối, vẫn có những người phạm tội là Công giáo, nhưng nhìn trên mặt bằng tổng thể, nó không phổ biến bằng những người không theo tôn giáo nào.

Kết quả khảo sát về giá trị tôn giáo năm 2014 của Viện Nghiên cứu Tôn giáo cũng bước đầu cho thấy mức độ tham gia học giáo lý của trẻ em trong gia đình của tín đồ Công giáo chiếm tỷ lệ đầy đủ nhất so với các tôn giáo khác. Điều này cũng phản ánh mối quan tâm của gia đình Công giáo tới môi trường giáo dục thứ ba bên cạnh nhà trường và gia đình, đó là giáo dục tôn giáo trong nhà thờ⁴⁰.

Mức độ tham gia học giáo lý của trẻ em trong gia đình các tôn giáo

Mức độ học giáo lý của trẻ em	Phật giáo		Công giáo		Tin Lành		Cao Đài		Hòa Hảo	
	<i>Tần số</i>	<i>%</i>	<i>Tần số</i>	<i>%</i>	<i>Tần số</i>	<i>%</i>	<i>Tần số</i>	<i>%</i>	<i>Tần số</i>	<i>%</i>
Đầy đủ	60	30,3	160	86,5	118	65,2	35	66,0	6	40,0
Thỉnh thoảng	68	34,3	12	6,5	27	14,9	11	20,8	5	33,3
Hiếm khi	21	10,6	3	1,6	7	3,9	2	3,8	0	0,0
Không bao giờ	49	24,7	10	5,4	29	16,0	5	9,4	4	26,7
Tổng	198	100,0	185	100,0	181	100,0	53	100,0	15	100,0

3.2.4. *Tính hiệu quả của việc truyền thông các giá trị*

Các nguyên tắc tuyên truyền của Nhà nước trong việc phòng chống các tệ nạn, xây dựng khu dân cư văn hóa, các xứ họ đạo tiên tiến luôn có những hiệu quả kém so với việc tuyên truyền của các xứ họ đạo. Cùng là một chủ đề tuyên truyền nhưng khi chính quyền triệu tập thì người tín đồ đến thưa thớt, trong khi một tiếng chuông nhà thờ lại quy tụ hầu như toàn bộ giáo dân đến nghe. Các tuyên truyền của Nhà nước về các chính sách như dân số, kế hoạch hóa nếu không khéo lại còn rơi vào sự phản ứng của giáo dân nếu thiếu phương pháp và kinh nghiệm truyền thông với vùng giáo. Và trên thực tế đã có những trường hợp *thất bại trong việc xúc tiến đồng thuận xã hội*. Vậy nên khi có một chủ trương vận động của Mặt trận Tổ quốc, hay của chính quyền cơ sở với giáo dân, thì cách tốt nhất thường là phối hợp nội dung đó qua kênh tôn giáo, tức nhờ linh mục quản xứ đạo phổ biến cho giáo dân. Điều kỳ lạ là giáo dân Việt rất nghe lời cha xứ. Việc này có yếu tố thiêng ở chỗ ông linh mục cai quản xứ đạo đó là đại diện của Chúa trong Giáo hội hướng dẫn về mặt thiêng liêng và đời sống đạo. Nhưng mặt khác, nó còn xuất phát từ truyền thống Việt Nam trước khi Công giáo du nhập vốn bị chi phối mạnh mẽ bởi các quan niệm lễ giáo Khổng, Mạnh. *Khi truyền thống này được gắn với các quy định ràng buộc của giáo lý và niềm tin Công giáo thì sự tuân thủ người đứng đầu càng mạnh mẽ*. Vai trò của linh mục được giáo dân đánh giá cao và được kính trọng hơn những người đại diện cho bộ máy chính quyền cơ sở. Do vậy, cùng là một chủ trương nhưng khi qua *kênh tôn giáo* mà cụ thể là qua linh mục và Ban hành giáo các họ đạo thì nó có sức lan tỏa mạnh mẽ vào trong dân chúng, khác với các vùng không Công giáo khác. Và điều quan trọng, họ đón nhận và thực hành nó trong *tương quan với các luân lý Công giáo* mà họ đã được học hay giáo dục từ nhỏ. Đó là phải Kính Chúa, tức tôn trọng người đại diện của Chúa. Như vậy, càng thấy rõ hơn trong việc Công giáo nói riêng và tôn giáo nói chung có thể tạo ra *một sự liên kết và thống nhất* trong những hành động chung, nhất là khi nội dung tuyên truyền đó gắn với các *giá trị bác ái, “làm lành tránh dữ”* của Công giáo. Niềm tin tôn giáo đã tạo ra những *khuôn mẫu* hay chí ít là những *định hướng cho hành vi tín đồ*. Những định hướng này mang tính nguyên tắc luân lý, đạo đức rất cao, nó có nền tảng từ Kinh thánh.

Với người Công giáo, việc vâng phục được đề cao trong truyền thống sống đạo của người dân. Mặt khác, bản thân sự vâng phục đó cũng được

xem là một nguyên tắc luân lý - đạo đức của cá nhân và cộng đồng. Bởi vậy, việc phổ biến các chính sách qua kênh tôn giáo luôn có sự thống nhất và hiệu quả. Kết quả khảo sát năm 2014 cho thấy 83,8% những người Công giáo được hỏi trả lời họ thường xuyên nghe lời khuyên của chức sắc và 95,1% người nghe lời khuyên cho rằng lời khuyên đó có tính hiệu quả với họ⁴¹.

3.2.5. Xứ, họ đạo - những “cộng đồng luân lý - đạo đức”

Có ý kiến từ phía Công giáo cho rằng: *Các hội đoàn Công giáo tại các xứ họ đạo ở Việt Nam hầu hết là những hội đoàn đạo đức*⁴², nghĩa là tập trung chính yếu vào việc tổ chức và huấn luyện các việc đạo đức chứ ít tạo được một sức mạnh để có thể đem các nguyên lý của tôn giáo vận dụng vào đời sống. Một ý kiến khác từ phía Công giáo cũng nêu: “Hiện nay, nếu có dịp quan sát, chúng ta phải chấp nhận một thực tế rằng, có rất nhiều xứ đạo và người tín hữu Công giáo Việt Nam đang sống đạo theo kiểu ưa chuộng hình thức bên ngoài... Kiểu sống đạo này khiến người giáo dân chỉ chăm chú những cái bên ngoài, những lời khen, bỏ quên những chiều sâu tâm linh buộc phải có”⁴³.

Điều này giải thích tại sao các xứ họ đạo có đời sống an ninh trật tự tốt, nhưng nhìn chung vẫn ở trong tình trạng co cụm, tự thủ, ít giao lưu với người bên ngoài xứ đạo, thậm chí có thái độ đề phòng chính quyền và thận trọng với các thông tin truyền thông về chính sách của Nhà nước.... Nhưng phải chăng *cộng đồng đạo đức* đó đã giúp nhiều người, đặc biệt là thanh thiếu niên tránh khỏi những tai ương đang hành hoành ngoài xã hội. Người Công giáo quan niệm rằng: *Muốn nên thánh, bạn phải là một con người trước đã. Muốn là một người đạo đức, bạn phải có những đức tính nhân bản trước đã.*

Kết quả khảo sát trên cũng cho thấy những người Công giáo được hỏi ưu tiên cao cho các sinh hoạt tôn giáo hơn là sinh hoạt cộng đồng. Khi có hai sinh hoạt đồng thời xảy ra, có tới 70,8% người được hỏi chọn sinh hoạt tôn giáo, số còn lại chọn sinh hoạt cộng đồng. Điều này cho thấy nhà thờ vẫn là không gian văn hóa, tôn giáo được lựa chọn chủ yếu của người Công giáo.

3.2.6. Giữ giá trị và mất giá trị

Trước đây, mỗi người dân sống trong xã hội có thể tìm thấy ý nghĩa căn bản của cuộc đời mình trong một vai trò hay nghề nghiệp, hay tìm thấy mình trong một lý tưởng chung dân tộc, một hào khí thời cuộc, tinh thần thời đại.... Vai trò và nghề nghiệp ấy được xã hội công nhận

và tôn trọng. Trong xã hội trước đây, ý nghĩa ấy tạo nên một giá trị căn bản về cái mình “là”. Khi đó, người ta cũng có một chút tự hào về bản thân và có một thứ lương tâm nghề nghiệp, tức luôn thấy sống có ý nghĩa, cảm thấy đạo đức, danh sự, hay nói đúng hơn cái phần “con người” được quan tâm chăm chút và đề cao, cho dù đôi khi có những yếu tố lạc hậu hay thái quá thành tiêu cực. Ý nghĩa ấy giúp người ta xác định bản thân, tìm được giá trị con người, ý nghĩa cuộc đời, và có thể tìm thấy niềm vui trong cuộc sống.

Kinh tế thị trường có ưu điểm là tạo ra một cuộc chuyển đổi mạnh mẽ về kinh tế. Dù vậy nhược điểm lớn là lôi cuốn con người vào vòng xoáy của vật chất và thụ hưởng. Việc có tiền và có nhiều tiền là tiêu chuẩn phổ biến để con người có được những thứ khác. Khi ấy, con người không còn thấy mình “là”, và là gì đi nữa cũng chẳng quan trọng bao nhiêu. Con người chỉ thấy mình “có”, và càng có nhiều thứ là thành công trong vận mạng của mình. Tâm thức ấy ngầm phá hoại giá trị của đời người. Người ta không còn an vui được với bản thân mình, mà luôn lo lắng để có cái này, có cái kia và để được người khác chấp nhận. Khi ý nghĩa căn bản của đời sống con người bị phá hủy, tất cả những tô vẽ rườm rà, công kênh bên ngoài lại dễ tạo nên những căn bệnh khủng hoảng tâm lý. Điều này sẽ lý giải một hiện tượng gần đây, có rất nhiều công chức, viên chức sau khi nghỉ hưu lại trở lại với tôn giáo. *Phải chăng tôn giáo vẫn ít nhiều giữ được giá trị của nó trong một xã hội có nhiều cá nhân bị khủng hoảng giá trị. Và người ta tìm đến nó, ngoài ý nghĩa Cánh Chung như đề cập trên thì còn mong tìm thấy một số giá trị làm người mà trước đó họ đã bị xao nhãng?*

Nói chung, khủng hoảng giá trị là tình trạng con người không tìm thấy ý nghĩa đích thực làm nên nét đẹp của đời sống mình đang sống. Trong khi khủng hoảng như vậy, trước quy luật cạnh tranh khốc liệt của thời cơ chế, cuộc sống càng ngày càng có nhiều khó khăn, thì trên bình diện ý nghĩa, tâm hồn con người càng ngày càng trở nên trống rỗng. Không tìm thấy giá trị hay đánh mất giá trị là một sự khủng hoảng căn bản khởi nguồn cho mọi thứ trục trặc khác trong đời sống hiện nay. Trong đó có việc dẫn dụ con người ta vào các tệ nạn xã hội.

Trong khi chúng ta nói tới việc nhiều cá nhân trong xã hội bị rơi vào các cuộc khủng hoảng từ đời sống, bị mất ý nghĩa đời sống do không tìm thấy giá trị cá nhân và không tìm thấy các giá trị thời đại thì Công giáo vẫn không ngừng củng cố đức tin, đời sống đạo, đọc kinh, đi lễ.... Tất cả những

chu trình đó hàng nghìn năm nay, với truyền thống và lịch sử, nó tạo ra những đặc trưng riêng biệt của Công giáo, ví dụ, sống co cụm, khép kín, nghe lời, tự tôn vì mình là người được Chúa chọn.... Tuy nhiên, Giáo hội đã lo tới việc mất đi các giá trị của mình qua các nghi lễ thờ phượng rườm rà và tốn kém, qua các nhà thờ uy nghi mà trống trải giáo dân đi lễ... tức là họ cũng đang phải đối diện mạnh mẽ với trào lưu tục hóa bởi nền kinh tế thị trường, và công nghệ hiện đại. Nhưng dù sao họ vẫn có Thiên Chúa để nương tựa tinh thần, có cộng đồng để cùng cầu nguyện chia sẻ, có một sự ràng buộc mạnh mẽ bởi truyền thống gia đình với việc sống đạo, có cái nhìn quy kết của cộng đồng trước các hành vi lệch chuẩn..., có Kinh thánh, giáo luật với nội dung nhất quán cao về đạo đức và thực hành. Và đặc biệt, sự thích nghi hội nhập chính là một căn tính ưu trội của Công giáo. Phải chăng chính việc duy trì căn tính cũng là giá trị của mình mà Giáo hội đã tạo ra được một đàn chiên (cộng đồng) hiền lành, biết nghe lời và vâng phục? Điều đó góp phần tạo ra được các ngăn ngừa đề phòng tốt của giáo dân với các tệ nạn xã hội. Và hình như với nỗ lực của Giáo hội, trong vòng xoáy thời cuộc, họ vẫn có gắng giúp tín đồ của mình nhận thấy họ “là” dân Thiên Chúa hơn bên cạnh việc “có” những thứ khác.

Kết quả khảo sát trên bước đầu cho thấy: Đối với tín đồ Công giáo được hỏi thì giá trị quan trọng nhất với họ là yêu thương con người với tỷ lệ 64,9% số người được khảo sát. Đứng vị trí thứ hai về tầm quan trọng với mỗi tín đồ là giá trị hướng thiện chiếm tỷ lệ 48,6%. Hiếu thảo, kính trọng với người trên là giá trị chiếm vị trí thứ ba với tỷ lệ 46,5%. Có 93% những người được hỏi thường xuyên thực hành những giá trị mà họ cho là quan trọng nhất.

4. Kết luận

1. Giá trị là một chủ đề rộng lớn, các nhận định giá trị thường gắn với các chuyên ngành cụ thể để đưa ra các khái niệm gắn với những đặc trưng của từng đối tượng, dù vậy vẫn có những giá trị chung mang tính thời đại và nhân loại. Giá trị khi xem xét phải đặt trong hệ trục tọa độ nơi giá trị gốc nó phát sinh hoặc tồn tại (không gian, thời gian, chủ thể)⁴⁴, trong mối tương quan với bối cảnh và những giá trị xung quanh nó (xung đột, giao thoa, tác động, giá trị chung của quốc gia, dân tộc...). Giá trị vừa mang tính chủ quan và khách quan, vừa mang tính giá trị nội tại (giá trị của chủ thể) và những tác động của nó tới các khách thể khác (ngoại tại). Giá trị luôn có tác dụng định hướng hành vi, hành động căn cứ trên các yếu tố loại trừ tốt - xấu, lợi hại qua sự căn cơ của lý trí con người.

2. Giá trị của tôn giáo nằm ở đâu trong toàn bộ cấu trúc niềm tin, nghi lễ, tổ chức và giáo lý của một tôn giáo? Đây là điều cần phải xem xét. Bởi nếu nhìn giá trị bằng những biểu hiện bề ngoài qua đời sống sinh hoạt và các việc bác ái từ thiện... sẽ thấy một cách sinh động một loạt ý nghĩa của chúng và chúng ta xác nhận ngay nó là giá trị này hay giá trị kia. Điều này sẽ cần thiết và không thể thiếu nếu định lượng các tác động và ảnh hưởng của những giá trị này đối với đối tượng quanh nó. Dù vậy, thiết tưởng phải đi tìm động cơ các biểu hiện ấy từ cội nguồn của các tôn giáo, từ trong truyền thống, trong Kinh thánh, giáo lý và giáo luật.... Tôn giáo luôn luôn chứa đựng trong nó một hệ giá trị. Mỗi giá trị hay một số giá trị trong các tôn giáo sẽ đảm nhiệm những chức năng riêng nhưng đều thống nhất và có tác động khác nhau tới đạo đức lối sống của con người trong xã hội. Các giá trị ở các tôn giáo dù đặc trưng khác nhau nhưng cuối cùng đều hướng tới các giá trị phổ quát được nhân loại thừa nhận đó là Chân, Thiện, Mỹ. *Sự thực, điều tốt và cái đẹp* được diễn tả qua tôn giáo chính là các giá trị chân lý, giá trị luân lý và giá trị thẩm mỹ. Riêng khía cạnh nhân sinh quan và thế giới quan tôn giáo đã định hình thêm một giá trị khác là giá trị nhận thức, hay giá trị ý thức hệ.

3. Khác với các thể chế thế tục khác, tôn giáo bao giờ cũng mang trong mình giá trị chân lý với đặc trưng siêu nghiệm, tuyệt đối hầu như không thay đổi theo thời gian và không gian. Tính định hướng của giá trị chân lý thể hiện ở việc nó là nền tảng để quy tụ con người cùng hướng tới một đối tượng thiêng, cùng sở hữu một niềm tin và thống nhất các quy tắc thờ phượng để diễn tả niềm tin đó. Tuy nhiên, với Công giáo tính định hướng đó không hoàn toàn xa với đời sống hiện thực. Giá trị chân lý Công giáo còn là nền tảng để hướng tới mối tương quan với con người. Như trên đã trình bày, chân lý về Thiên Chúa luôn được xem xét đặt định với chân lý về con người - Con người là một hữu thể có lý trí, tự do và là tạo vật của Thiên Chúa nên phải được coi trọng, yêu thương và đối xử bình đẳng. Ở khía cạnh này, rõ ràng giá trị chân lý Công giáo đã có những tương thích với những giá trị chung của nhân loại, liên quan đến các quyền cá nhân, vấn đề công lý, tự do, hòa bình.... Tuy nhiên, việc ảnh hưởng của giá trị chân lý đối với các khu vực, các nhóm cũng như các cá nhân là khác nhau. Dễ thấy dù cùng sở hữu một chân lý tối thượng nhưng rõ ràng cách ứng xử của các nhóm hay các cộng đồng Công giáo là khác biệt, nguyên nhân là do khác nhau về khung cảnh văn hóa, môi trường giáo dục cũng như cách thức tiếp nhận, đưa đến cách hiểu, vận

dụng và ảnh hưởng của giá trị khác nhau. Đây cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến các xung đột giá trị giữa các nhóm cũng như giữa các thiết chế. Dù vậy giá trị chân lý tôn giáo bao giờ cũng hướng con người tới các mẫu hình lý tưởng, chuẩn mực đạo đức và đưa ra các cam kết về cuộc sống đời sau. Khác với những chân lý khác, chân lý tôn giáo là cứu cánh sau cùng của con người mà để trọn vẹn với viễn cảnh đó, không có cách nào khác, con người phải thực hiện các quy tắc định hướng từ chính các luật luân lý tôn giáo quy định.

4. Giá trị luân lý Công giáo về cơ bản vẫn xoay quanh hai trục ứng xử của con người với đối tượng thiêng là Thiên Chúa và con người với con người. Luân lý Công giáo cũng gồm các định hướng cá nhân, nhóm và rộng hơn muốn định hướng chung cho toàn thể thế giới Công giáo, đó là các quan điểm của Học thuyết xã hội Công giáo. Với sự xuất hiện của nhiều giá trị thế tục khác đầy cám dỗ, giá trị luân lý Công giáo có vẻ đã đã tạo ra được sự đề kháng tốt trước những biến đổi của thời cuộc. Không ít nội dung của luân lý Công giáo tương thích với các định hướng của giá trị cộng đồng, giá trị chung của xã hội chẳng hạn các việc từ thiện, bác ái cho đến những việc như giữ gìn các trật tự an ninh xã hội, làm lành tránh dữ.... Tuy nhiên, tính định hướng của giá trị luân lý với người Công giáo cũng gặp nhiều thách đố ngay với chính cộng đồng của họ bởi quá trình tương tác giữa Công giáo và các thiết chế xã hội khác. Người ta thấy ngoài luân lý Công giáo còn có những giá trị khác hấp dẫn và lôi cuốn mà chỉ riêng các luật luân lý thật khó kiểm soát hành vi con người⁴⁵. Bởi vậy chắc hẳn Công giáo cũng như nhiều tôn giáo khác luôn đặt trong một mâu thuẫn là muốn hội nhập sâu rộng vào xã hội, muốn phát triển đạo, đưa Lời Chúa áp dụng vào cuộc sống, nhưng vẫn phải giữ được các giá trị cho riêng mình. Qua đó có thể thấy khác với chân lý, luân lý là giá trị có thể bị tác động và biến đổi bởi ngoại cảnh. Ngày nay, dễ dàng nhận thấy, nhiều người vẫn tin nhận Thiên Chúa nhưng các chuẩn mực luân lý tương ứng với niềm tin mà họ đã tuyên xưng đã sai lệch đi ít nhiều. Dù vậy, nhìn một cách chung nhất, dường như các cộng đồng Công giáo vẫn có được một đời sống an ninh xã hội cũng như an ninh tinh thần tốt, mà như trên đã giải thích, sự ổn định đó xuất phát từ việc liên kết giữa những người cùng niềm tin, với những quy tắc đúng sai trong ý nghĩ và hành vi ít nhiều được quy chiếu hoặc liên hệ tới hai giá trị cơ bản của tôn giáo này là giá trị chân lý và luân lý Công giáo./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Pascal Boyer (2001), *Et l'homme créa les dieux - Comment expliquer la religion*, Ed. Rober Laffont: 39.
- 2 Khái niệm giá trị có ngoại diện rất rộng bao quát các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Bởi vậy giá trị thường được phân biệt nhận diện gắn với việc các ngành khoa học cụ thể như giá trị đạo đức, giá trị kinh tế, giá trị lao động, giá trị văn hóa, giá trị pháp lý, v.v.. Do đó, cách định nghĩa khái niệm giá trị thường gắn với cách tiếp cận đặc thù của chuyên ngành để từ đó định ra thuật ngữ giá trị thích hợp với phương pháp và cách nhìn của từng ngành. Không thể định nghĩa giá trị bằng cách mô tả và đưa hết các ưu điểm đặc trưng vô cùng phong phú trong hoạt động của con người làm nội hàm của khái niệm này. Do đó, dường như một cách thống nhất tương đối trong các định nghĩa về giá trị, người ta thường được nhấn mạnh tới hai đặc tính là *định hướng hành động hoạt động của nhóm hay hành vi cá nhân với tư cách là chuẩn mực* cho các cá nhân, tập thể, hay một nhóm xã hội nào đó; và nó thường *đặt trong mối tương quan so sánh ưu trội với các yếu tố phi giá trị*. Chẳng hạn, người ta nhìn ra giá trị tốt trong tương quan với cái xấu (phi giá trị, phản giá trị), giá trị đạo đức trong tương quan với phi đạo đức. Ví dụ, Hòa Bình là một giá trị nhân loại nhưng gây ra chiến tranh lại là yếu tố phi giá trị.... Tuy nhiên, giá trị bao giờ cũng được nhận diện qua lăng kính cá nhân, nhóm, hay cộng đồng với các hiện thực quanh mình nên nó mang tính chất *chủ quan và tương đối*.
- 3 Elena L. Samonte (1999), *Những giá trị Philipin trước ngưỡng cửa của thiên niên kỷ mới*, trong *Các giá trị Châu Á và sự phát triển ở Việt Nam trong bối cảnh so sánh*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế tổ chức tại Hà Nội: 156.
- 4 Dẩn theo Jan Ifversen (1999), *Các giá trị Châu Âu và các giá trị phổ biến*, trong *Các giá trị Châu Á và sự phát triển ở Việt Nam trong bối cảnh so sánh*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế tổ chức tại Hà Nội: 51.
- 5 Uichol Kim (1999), *Phát triển quốc gia và các giá trị Đông Á*, trong *Các giá trị Châu Á và sự phát triển ở Việt Nam trong bối cảnh so sánh*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế tổ chức tại Hà Nội: 145.
- 6 Yves Lamber (2002), *Les valeurs religieuses*, Revue Économie et Humainisme: 93.
- 7 Pierre Bréchon (2003), *Les valeurs des Français*, Ed. Armand Colin: 175-176.
- 8 Pierre Bréchon (2013), *Religion et valeurs en Europe: Effets sociopolitiques de la dimension religieuse chez les Européens*, Revue Futuribles, N°393: 7, 9.
- 9 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015), *Kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học của đề tài: Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam*, Tài liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 10 Pascal Boyer (2001), *Et l'homme créa les dieux - Comment expliquer la religion*, Ed. Rober Laffont: 39 - 40.
- 11 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 47.
- 12 Xem: Phan Tấn Thành (2009), *Đời sống tâm linh*, tập 8, Rome: 107; Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 47, và *Từ điển Công giáo phổ thông*, Nxb. Phương Đông, 2008: 110-110; *Sách giáo lý hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010, số 2505.

- 13 Quan điểm này của Giáo hội nhằm chống lại quan điểm của trường phái thực chứng hay mác-xít cho rằng không có chân lý khách thể tuyệt đối mà chân lý là do con người đặt ra và là kết quả của các thực nghiệm khoa học.
- 14 Michael D. Moga (2013), *In Search of True Religion a Philosophy of Religion* - [Trong sự tìm kiếm tôn giáo đích thực triết học về tôn giáo], Linh mục Lê Đình Trị dịch, Nxb. Phương Đông: 11-13.
- 15 Qua các sách trong Kinh Thánh Công giáo cho thấy: Trước khi có danh xưng Chúa Jesus Kitô, khoảng gần 2.000 năm các cộng đồng Do Thái dùng những khái niệm trên để diễn tả về một Đấng thiêng siêu nghiệm, tuyệt đối.
- 16 Trong lịch sử thần học, Công giáo thừa nhận có hai con đường đến với Chân lý - Thiên Chúa là: Hiểu để tin (dùng lý trí khám phá sau đó mới tin) và tin để hiểu (tin trước hiểu sau).
- 17 Liên quan đến vấn đề này, việc *bất khả ngộ* (không thể sai lầm) của Giáo hoàng cũng nên hiểu là nằm trong khu vực chân lý và luân lý Công giáo chứ không phải bao quát các giá trị thể tục khác
- 18 Con đường ở đây là con đường giải thoát, cứu rỗi.
- 19 Thế nào là “làm chân lý”? Có người giải thích rằng chân lý không phải là cái gì đã có sẵn và mình phải tìm cách học hỏi; trái lại mình phải sáng tạo ra chân lý: chân lý thành hình nên do hoạt động của con người. Tuy nhiên, chắc chắn Thánh Gioan không hiểu như vậy. (1) Thiết tưởng nên hiểu “làm chân lý” như là “làm đúng, làm điều phải, làm điều tốt”; đối lại với “làm điều bậy, làm điều sai trái”, nghĩa là phạm tội. Chân lý không phải chỉ giới hạn trong lĩnh vực tư tưởng, nhưng còn phải diễn ra hành động, diễn ra cuộc sống nữa. (2) Có ý kiến khác thì cho rằng ở đây Thánh Gioan muốn nói tới việc đón nhận niềm tin: “làm chân lý” có nghĩa là tin nhận Chúa Jesus Kitô chân lý.
- 20 Phan Tấn Thành (2009), *Đời sống tâm linh*, tập 8, Rome: 114.
- 21 Linh mục Nguyễn Hồng Giáo (2005), *Giáo hội lễ hành*, Học viện Phanxico: 166.
- 22 Linh mục Nguyễn Hồng Giáo (2005), *Giáo hội lễ hành*, Sđd:166.
- 23 Mission Ha Noi (1929), *Théologie Morale*, Ke So: 3.
- 24 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 216.
- 25 *Dictionnaire culturel du Christianisme*, Editions du Cerf et Nathan, 1994: 201.
- 26 Khi con người hành xử quyền làm chủ và các nghĩa vụ của mình thì những hành vi nào phát xuất từ ý chí tự do đều được gọi là hành vi nhân linh.
- 27 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 103.
- 28 Edgar Morin (2013), *Phương pháp 6 - Đạo đức học*, Chu Tiến Ánh dịch, Nxb. Trí thức, Hà Nội: 6. Xem phần giới thiệu của Phạm Khiêm Ích.
- 29 Xem thêm: *Chương VII (Thần học luân lý: Đức tin và lối sống Kitô giáo của tác giả John R. Popiden)* trong cuốn *Dẫn vào thần học* (2008). Bản dịch tiếng Việt của nhà sách An Dương. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. Nguyên tác dịch từ *Introduction to Theology*, The Liturgical Press St. Pauls, 1996.
- 30 Tất nhiên học thuyết xã hội Công giáo còn gắn với các bối cảnh lịch sử cụ thể của các thông điệp.
- 31 *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010: 537.

- 32 *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, Sđd: 529.
- 33 Xem: Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, và Gm. Nguyễn Thái Hợp, OP (2010), *Một cái nhìn về Giáo huấn xã hội Công giáo*, Nxb. Phương Đông.
- 34 Xem: Đỗ Quang Hưng (2016), *Tôn giáo và tính hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội: 158-175.
- 35 Xem trong sách *Xuất hành của Kinh Thánh Cựu Ước* (20, 2-18)
- 36 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015), *Kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học của đề tài: Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam*, Tài liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 37 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2014), *Báo cáo kết quả xử lý số liệu điều tra*, đề tài Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững Tây Nguyên.
- 38 Điều này cũng góp phần giải thích hiện trạng một số cán bộ làm Nhà nước, nay nghỉ hưu, có cả đảng viên, khi về già lại tìm đến với tôn giáo, xây từ đường thờ cúng ông bà một cách nhiệt thành và sâu sắc.
- 39 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015), *Kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học của đề tài: Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam*, Tài liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 40 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015), *Kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học của đề tài: Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam*, Tài liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 41 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015), *Kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học của đề tài: Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam*, Tài liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 42 Ý kiến nghiên cứu của linh mục dòng Đa Minh Nguyễn Trọng Viễn. Xem trong *Nội san Chia sẻ - Một nội san Thần học, tu đức của Liên tu sĩ Tp. Hồ Chí Minh*, số 62/2011.
- 43 Ý kiến của nữ tu Têrêxa Ngọc Lễ, Dòng nữ Đa Minh Thánh Tâm. Xem trong *Nội san Chia sẻ - Một nội san Thần học, tu đức của Liên tu sĩ Tp. Hồ Chí Minh*, số 74, tháng 6/2014, tr. 57.
- 44 Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2015), *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 158.
- 45 Một khảo sát của Lê Minh Tiến và các cộng sự tháng 3/2010 tại Tp. Hồ Chí Minh, với 271 bạn trẻ Công giáo, có độ tuổi trung bình 22,7 tuổi (trẻ nhất 18 cao nhất 29 tuổi) đưa ra một số chỉ báo như: Có 14,4% số bạn trẻ cho biết họ sẵn sàng làm điều có ích cho bản thân và gia đình cho dù điều đó đi ngược lại điều Chúa dạy. Kết quả khảo sát cũng cho thấy 37,7% số bạn trẻ được hỏi chấp nhận một trong những hành vi đi ngược với luân lý Công giáo hiện nay. Điều này cho thấy niềm tin và luân lý Công giáo đang không phải là “ánh đèn soi dẫn lối sống” cho một số người Công giáo trẻ ngày nay. Xem: Nhiều tác giả (2010), *Giáo hội giữa dòng đời*, Câu lạc bộ Phaolô Nguyễn Văn Bình, 2010: 295-296, 300.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Các giá trị Châu Á và sự phát triển ở Việt Nam trong bối cảnh so sánh*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế tổ chức tại Hà Nội, 1999.

2. *Dictionnaire culturel du Christianisme*, Editions du Cerf et Nathan, 1994.
3. *Dẫn vào thần học*, Bản dịch tiếng Việt của nhà sách An Dưỡng, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008, Nguyên tác dịch từ *Introduction to Theology*, The Liturgical Press St. Pauls, 1996.
4. Edgar Morin (2013), *Phương pháp 6 - Đạo đức học*, Chu Tiến Ánh dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. *Kinh Thánh Công giáo trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Bản dịch của nhóm các giờ kinh phụng vụ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2003.
8. Linh mục Nguyễn Hồng Giáo (2005), *Giáo hội lễ hành*, Học viện Phanxico, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Mission Ha Noi (1929), *Théologie Morale*, Ke So.
10. Michael D. Moga (2013), *In Search of True Religion a Philosophy of Religion* [*Trong sự tìm kiếm tôn giáo đích thực triết học về tôn giáo*], (Linh mục Lê Đình Trị dịch), Nxb. Phương Đông.
11. *Nội san Chia sẻ* (2011), *Nội san Thần học*, tu đức của Liên tu sĩ Tp. Hồ Chí Minh, số 62.
12. *Nội san Chia sẻ* (2014), *Nội san Thần học*, tu đức của Liên tu sĩ Tp. Hồ Chí Minh, số 74.
13. Nhiều tác giả (2010), *Giáo hội giữa dòng đời*, Câu lạc bộ Phaolô Nguyễn Văn Bình.
14. Phan Tấn Thành (2009), *Đời sống tâm linh*, tập 8, Rome.
15. Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (chủ biên, 2012), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Pierre Bréchon (2003), *Les valeurs des Français*, Ed. Armand Colin.
17. Pierre Bréchon (2013), *Religion et valeurs en Europe: Effets sociopolitiques de la dimension religieuse chez les Européens*, Revue Futuribles, N°. 393.
18. Pascal Boyer (2001), *Et l'homme créa les dieux- Comment expliquer la religion*, Ed. Rober Laffont.
19. *Sách giáo lý hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010.
20. Trần Ngọc Thêm (chủ biên, 2015), *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
21. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2014), *Báo cáo kết quả xử lý số liệu điều tra*, đề tài: Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững Tây Nguyên, Tài liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
22. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015), *Kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học*, đề tài: Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam, Tài liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
23. Yves Lamber (2002), *Les valeurs religieuses*, Revue Économie et Humainisme, N°1.

Abstract**VALUES OF CATHOLIC TRUTH AND MORALITY, AND
THEIR ROLE IN THE COMMUNITY STABILIZATION**

The research methodology comes from the Catholic entity, particularly; believer's faith towards their sacred objects, the first and the second part of the article indicates the basic elements of Catholicism's truth and morality values. These values are not only existed in the form of conception, abstract or transcendence, in contrast, they are much closed to humankind. In fact, they clearly affect individual behaviour or activities of the Catholic groups. The other part of the article explains the cohesion of these values influenced Catholics' consciousness and behaviour in order to create stable communities on morality, social security in the context of Vietnam. It is illustrated by figures of sociological surveys on religious values conducted by the Institute of Religious Studies in 2014.

Keywords: Value, truth, morality, Catholicism.